



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

23

Tháng 12 - 2015

NHIỀU THƯƠNG HIỆU LỚN DỰ TRIỂN LÃM CONTECHMINING 2015

Hà Nội, ngày 2 tháng 12 năm 2015



*Thủ trưởng Đỗ Đức Duy cùng các đại biểu cắt băng khai mạc
Triển lãm ContechMining 2015*



Thủ trưởng Đỗ Đức Duy thăm các gian hàng tại Triển lãm ContechMining 2015

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI SÁU

23

SỐ 23- 12/2015



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Chính phủ ban hành Nghị định về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản 5
- Chính phủ ban hành Nghị định quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng 7
- Bộ Xây dựng - Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng 9

Văn bản của địa phương

- Tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh 13
- Tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định quy định mức thu giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và thị xã Thái Hòa 16

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN
CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN
CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
ThS. PHẠM KHÁNH LÝ
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội thảo “Công nghệ xử lý nền đất yếu theo phương pháp ổn định toàn khối” 18
- Hội nghị nghiệm thu các đề tài khoa học của Viện Vật liệu xây dựng 19
- Nghiệm thu nhiệm vụ soát xét tiêu chuẩn TCVN về gạch gốm ốp lát ép bán khô 22
- Hội nghị thẩm định Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu công nghệ cao Hòa Lạc (tỷ lệ 1/5000) đến năm 2030 23
- Liên bang Nga và việc hội nhập các tiêu chuẩn xây dựng với hệ thống tiêu chuẩn châu Âu 24
- Bông khoáng - vật liệu sinh thái & tiết kiệm năng lượng 26
- Matit nhựa đá dăm (SMA) trên các tuyến đường tải trọng lớn 28
- Kinh nghiệm xử lý nước thải tại các thị trấn trọng điểm của tỉnh Hắc Long Giang, Trung Quốc 31

Thông tin

- Nhiều thương hiệu lớn dự Triển lãm ContechMining 2015 34
- Khai giảng lớp Bồi dưỡng quản lý xây dựng và phát triển đô thị bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế 35
- Chuyên gia JICA đánh giá cao công tác đảm bảo an toàn lao động trên công trường Thủy điện Lai Châu 36
- Kinh nghiệm mở rộng các kênh huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị tại tỉnh Giang Tây, Trung Quốc 39
- Phương pháp thực hiện thuế bất động sản của Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc 42
- Thị trường bất động sản của Mỹ khó phục hồi bền vững - Quá khứ không thể bị lãng quên 44
- Cuộc sống mới của những nhà máy cũ 45

Chính phủ ban hành Nghị định về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường

Ngày 12 tháng 11 năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 117/2015/NĐ-CP về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản (BDS).

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, quản lý và khai thác, sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường BDS. Hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường BDS gồm cơ sở dữ liệu (CSDL), hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin (CNTT), hệ thống phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, khai thác về nhà ở và thị trường BDS. Hệ thống này được xây dựng thống nhất trên toàn quốc nhằm cung cấp thông tin cơ bản về nhà ở và thị trường BDS cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân, phục vụ công tác quản lý nhà nước và việc công bố các chỉ tiêu về nhà ở và thị trường BDS đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Về nguyên tắc, hệ thống này phải được xây dựng và quản lý thống nhất từ Trung ương đến địa phương; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước đảm bảo tính khoa học, thuận tiện cho việc khai thác và sử dụng; phục vụ kịp thời yêu cầu công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc gia; các thông tin, dữ liệu về thị trường BDS được cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng đảm bảo tính trung thực, khách quan, đúng mục đích và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

CSDL về nhà ở và thị trường BDS gồm quốc gia và địa phương. CSDL về nhà ở và thị trường BDS quốc gia tập hợp các thông tin, dữ liệu tổng hợp về nhà ở và thị trường BDS trên phạm

vi cả nước từ địa phương, thông tin do các Bộ, ngành cung cấp và từ các chương trình điều tra về nhà ở quốc gia do Bộ Xây dựng xây dựng, lưu trữ và quản lý. CSDL về nhà ở và thị trường BDS địa phương tập hợp toàn bộ các thông tin, dữ liệu cơ bản về nhà ở và thị trường BDS thu thập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao Sở Xây dựng địa phương xây dựng, lưu trữ và quản lý.

CSDL về nhà ở quốc gia gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nhà ở và đất ở do Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành ban hành; số lượng và diện tích từng loại nhà ở; số lượng, diện tích nhà ở đô thị, nông thôn, theo hình thức sở hữu, nhà ở phân theo mức độ kiên cố xây dựng; các chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở quốc gia; số lượng diện tích nhà ở công vụ.

CSDL về thị trường BDS gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thị trường BDS do Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ban ngành ban hành; số lượng doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực BDS; số liệu các dự án BDS; các thông tin, dữ liệu về dư nợ tín dụng đối với hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực BDS; CDSL cá nhân hành nghề môi giới BDS...

CSDL về nhà ở địa phương gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về nhà ở và đất do địa phương ban hành; số liệu, kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo của chương trình điều tra, thống kê về nhà ở tại địa phương; thông tin, dữ liệu về chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương, số lượng các dự án đầu tư xây dựng nhà ở; số lượng, diện tích nhà ở đô thị; số lượng, diện tích nhà ở thuộc sở

hữu Nhà nước, tập thể, cá nhân và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài; CSDL về nhà ở phân theo mức độ kiên cố xây dựng; các biến động liên quan đến quá trình quản lý, sử dụng nhà ở, đất ở; số lượng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, nhà; công tác quản lý nhà chung cư...

CSDL về thị trường BĐS địa phương gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thị trường BĐS do địa phương ban hành; số lượng, tình hình triển khai dự án, số lượng từng loại BĐS; tình hình giao dịch BĐS (lượng giao dịch, giá giao dịch); thông tin, dữ liệu về các khoản thu ngân sách từ đất đai và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực BĐS; CSDL về sàn giao dịch BĐS; số lượng nhà ở cho thuê, các chỉ tiêu thống kê về tình hình phát triển thị trường BĐS.

Theo Nghị định này, CSDL về nhà ở và thị trường BĐS được xây dựng phù hợp với kiến trúc hệ thống thông tin quốc gia, đáp ứng chuẩn về CSDL và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật...; được kết nối trực tuyến với CSDL về đất đai, CSDL thuộc Bộ, ngành, địa phương có liên quan, giữa Trung ương với cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh với cấp huyện; xây dựng CSDL về nhà ở và thị trường BĐS gồm việc thu thập, cập nhật, xử lý thông tin, lưu trữ, bảo quản.

Việc thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu phải tuân thủ các quy định, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật. Các hình thức thu thập bao gồm từ các báo cáo định kỳ và đột xuất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; dữ liệu sẵn có; số liệu điều tra, khảo sát; hình thức khác. Thông tin, dữ liệu phải được xử lý trước khi được tích hợp và lưu trữ vào CSDL về nhà ở và thị trường BĐS đảm bảo tính hợp lý, thống nhất.

Thông tin, dữ liệu phải được số hóa, lưu trữ bảo quản theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định chuyên ngành để đảm bảo an toàn, thuận tiện trong việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin; phải có kế hoạch số hóa những dữ liệu chưa ở dạng số... Về chế độ báo cáo, cung

cấp thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức thì các thông tin, dữ liệu được cung cấp định kỳ hàng tháng, hàng quý, định kỳ 6 tháng, định kỳ hàng năm.

Về thời hạn cung cấp thông tin, dữ liệu về Sở Xây dựng trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu cung cấp định kỳ hàng tháng; trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu cung cấp định kỳ hàng quý; trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu cung cấp định kỳ 6 tháng; trước ngày 20 tháng 01 của năm sau năm báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu cung cấp định kỳ hàng năm. Đối với các thông tin, dữ liệu cung cấp về Bộ Xây dựng thì trước ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu quy định cung cấp định kỳ hàng quý; trước ngày 20 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu cung cấp định kỳ 6 tháng; trước ngày 25 tháng 01 của năm sau năm báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu cung cấp định kỳ hàng năm. Về hình thức cung cấp thông tin, dữ liệu thì gửi qua mạng thông tin điện tử; gửi bằng văn bản.

Nghị định này quy định hạ tầng kỹ thuật CNTT về nhà ở và thị trường BĐS gồm tập hợp thiết bị tính toán, thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh toàn mạng, thiết bị lưu trữ... Hệ thống phần mềm để quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường BĐS gồm hệ điều hành, hệ quản trị CSDL và phần mềm ứng dụng, phần mềm an ninh an toàn mạng.

Kinh phí cho việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật CNTT, các phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, điều tra, thống kê về nhà ở và thị trường BĐS trên phạm vi nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ nguồn chi đầu tư phát triển, nguồn chi thường xuyên do ngân sách trung ương. Kinh phí điều tra, thu thập thông tin, xây dựng CSDL và duy trì hoạt động thường xuyên của hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường BĐS tại địa phương từ

nguồn chi thường xuyên ngân sách địa phương.

Các hình thức khai thác và sử dụng CSDL gồm qua mạng Internet, qua mạng thông tin điện tử, qua mạng chuyên dùng, qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu, bằng hợp đồng giữa cơ quan quản lý CSDL và bên khai thác, sử dụng dữ liệu về nhà ở và thị trường BĐS. Thông tin cơ bản về nhà ở và thị trường BĐS được công bố trên phương tiện thông tin đại chúng, trang điện tử của các cơ quan trung ương và địa phương. Các hiệp hội BĐS, các tổ chức đủ năng lực được công bố các thông tin liên quan đến nhà ở và thị trường BĐS do mình tự thu thập, xử lý và chịu trách nhiệm về những thông tin mình công bố. Các hiệp hội BĐS cần nêu rõ nguồn số liệu, phạm vi số liệu và gửi nội dung công bố về Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng địa phương để theo dõi, giám sát. Bộ Xây dựng quy định nội dung và định kỳ công bố thông tin cơ bản về nhà ở và thị trường BĐS của cả nước. Sở Xây dựng địa phương định kỳ công bố thông tin cơ bản về nhà ở và thị trường BĐS của địa phương theo các nội dung do Bộ Xây dựng quy định.

Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm trước Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng hệ thống

thông tin; trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường BĐS; lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CNTT đáp ứng việc kết nối đến các Sở Xây dựng địa phương; xây dựng hệ thống phần mềm thống nhất để quản lý, vận hành, khai thác, đề xuất các chương trình điều tra, thống kê về nhà ở và thị trường BĐS trên phạm vi nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; định kỳ báo cáo Chính phủ tình hình phát triển thị trường BĐS; định kỳ công bố các thông tin cơ bản trong CSDL về nhà ở và thị trường BĐS quốc gia; xây dựng kế hoạch và quản lý sử dụng nguồn vốn để điều tra, xây dựng CSDL, duy trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT...; chủ trì, phối hợp, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương thực hiện các nội dung tại Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Chính phủ ban hành Nghị định quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng

Ngày 13 tháng 11 năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 119/2015/NĐ-CP quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (ĐT XD).

Theo đó, Nghị định này quy định về trách nhiệm tham gia bảo hiểm bắt buộc, điều kiện triển khai bảo hiểm bắt buộc, số tiền bảo hiểm tối thiểu, nguyên tắc xác định mức phí bảo hiểm và quản lý Nhà nước về bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động ĐT XD. Nghị định này áp dụng đối với các chủ đầu tư, nhà thầu (trong trường hợp phí bảo hiểm công trình đã được tính vào giá hợp đồng), nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng; doanh nghiệp (DN) bảo hiểm

phí nhân thọ; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động ĐT XD.

Các nguyên tắc tham gia bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động ĐT XD gồm các DN bảo hiểm, tái bảo hiểm, DN nhận tái bảo hiểm và tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài đáp ứng điều kiện triển khai bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động ĐT XD; bên mua bảo hiểm đáp ứng đủ điều kiện, năng lực xây dựng; bên mua bảo hiểm và DN bảo hiểm triển khai bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động ĐT XD theo trách nhiệm, mức phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm tối thiểu.

Nghị định này quy định chi phí mua bảo

hiểm đối với bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng thì phí bảo hiểm được tính vào tổng mức ĐTXD; đối với bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn ĐTXD thì phí bảo hiểm được tính vào giá thành sản phẩm tư vấn; đối với bảo hiểm cho người lao động thì công trên công trường thì phí bảo hiểm được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Bên mua bảo hiểm có thể tham gia bảo hiểm với trách nhiệm, mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm cao hơn trên cơ sở thỏa thuận với DN bảo hiểm và phù hợp với các quy định của pháp luật; khuyến khích các tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm bắt buộc tại Nghị định này mua bảo hiểm trên cơ sở thỏa thuận với DN bảo hiểm và phù hợp các quy định pháp luật liên quan; bên nhận thầu tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ 3 theo Khoản 3 Điều 9 Luật Xây dựng.

Đối tượng phải mua bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động ĐTXD gồm chủ đầu tư hoặc nhà thầu trong trường hợp phí bảo hiểm công trình đã được tính vào giá hợp đồng phải mua bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng đối với các công trình (trừ các công trình liên quan đến quốc phòng, an ninh và bí mật nhà nước) bao gồm công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng, đến môi trường; công trình có yêu cầu kỹ thuật đặc thù, điều kiện thi công xây dựng phức tạp...; nhà thầu tư vấn phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng đối với việc khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng của công trình xây dựng từ cấp 2 trở lên; nhà thầu thi công xây dựng phải mua bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường.

Thời hạn bảo hiểm công trình là khoảng thời gian tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng căn cứ vào văn bản cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư; thời hạn bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn ĐTXD bắt đầu từ ngày thực hiện công việc tư vấn đến hết thời gian bảo hành công trình; thời hạn bảo hiểm đối với người lao động bắt đầu từ ngày thực hiện

công việc đến hết thời gian bảo hành công trình căn cứ vào hợp đồng lao động.

Đối với bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng DN bảo hiểm thực hiện trách nhiệm bồi thường cho các tổn thất của công trình phát sinh từ mọi rủi ro, trừ các tổn thất quy định tại Khoản 2 Điều này. Đối với bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng DN bảo hiểm sẽ bồi thường cho nhà thầu tư vấn đầu tư xây dựng những khoản tiền mà nhà thầu tư vấn có trách nhiệm bồi thường cho bên thứ 3 và các chi phí có liên quan. Đối với bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường, DN bảo hiểm bồi thường cho nhà thầu thi công xây dựng những khoản tiền mà nhà thầu bồi thường cho người lao động bị thương tật, chết do tai nạn lao động... DN bảo hiểm không có trách nhiệm bồi thường cho các tổn thất phát sinh từ hành vi cố ý; không mang tính ngẫu nhiên; không lượng hóa được bằng tiền; tổn thất mang tính thảm họa; phát sinh trong trường hợp bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm.

Điều kiện đối với DN bảo hiểm, tái bảo hiểm bao gồm có nghiệp vụ bảo hiểm tài sản đối với DN bảo hiểm và nghiệp vụ tái bảo hiểm nhân thọ đối với DN tái bảo hiểm tại Giấy phép thành lập; đáp ứng đủ các năng lực tài chính, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ nghiệp vụ.

Điều kiện đối với DN, tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài phải đang hoạt động hợp pháp theo quy định pháp luật của nước nơi DN đóng trụ sở chính; được xếp hạng tối thiểu “BBB” theo Standard & Poors, “B++” theo A.M.Best hoặc các kết quả xếp hạng tương đương.

Số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng là giá trị đầy đủ của công trình khi hoàn thành nhưng không được thấp hơn tổng giá trị hợp đồng xây dựng bao gồm cả giá trị điều chỉnh, bổ sung (nếu có). Với bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn ĐTXD thì số tiền bảo hiểm tối thiểu bằng giá trị hợp đồng tư vấn, thiết kế. Với bảo hiểm cho

người lao động thi công trên công trường số tiền tối thiểu là 100 triệu đồng/ người/ vụ. Mức phí bảo hiểm đối với các sản phẩm bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động ĐTXD được xác định dựa trên số liệu thống kê, đảm bảo khả năng thanh toán của DN bảo hiểm và phải tương ứng với điều kiện bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối thiểu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Bộ Xây dựng có trách nhiệm ban hành quy định hướng dẫn theo thẩm quyền các công trình có yêu cầu kỹ thuật đặc thù, điều kiện thi công phức tạp; hướng dẫn việc lập chi phí bảo hiểm

trong chi phí ĐTXD; phối hợp Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện bảo hiểm bắt buộc trong ĐTXD; chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm hành chính đối với bên mua bảo hiểm vi phạm chế độ bảo hiểm.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2016.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Bộ Xây dựng - Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng

Ngày 16 tháng 11 năm 2015 Bộ Xây dựng - Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BXD-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng.

Theo Thông tư này, Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng (QHXD) và kiến trúc, hoạt động đầu tư xây dựng (ĐTXD); phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị, quản lý chất thải rắn thông thường, cơ sở sản xuất VLXD, công viên, cây xanh, quản lý nghĩa trang trừ nghĩa trang liệt sỹ, kết cấu hạ tầng giao thông đô thị...). Đối với Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh

là cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, thực hiện chức năng tham mưu, quản lý nhà nước về lĩnh vực QHXD, kiến trúc... Sở Xây dựng và Sở Quy hoạch - Kiến trúc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc bao gồm:

Trình UBND cấp tỉnh dự thảo các quyết định, chỉ thị, các văn bản quy định việc phân công, phân cấp và ủy quyền trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở thuộc phạm vi trách nhiệm; dự thảo quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; các văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với cấp trưởng, cấp phó của các đơn vị trực thuộc Sở; cấp trưởng, cấp phó của Phòng Quản lý đô thị,

Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện. Trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh dự thảo các quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND cấp tỉnh về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở; dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

Về QHXD, kiến trúc hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn về QHXD, thẩm định, phê duyệt các đồ án QHXD, quy hoạch đô thị; hướng dẫn chủ đầu tư trong việc lập các đồ án QHXD; hướng dẫn UBND cấp huyện trong việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã và QHXD nông thôn trên địa bàn xã; tổ chức công bố, công khai các QHXD, cấp giấy phép quy hoạch, cấp chứng chỉ QHXD, cung cấp thông tin về quy hoạch, kiến trúc; về thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình trên địa bàn tỉnh; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về QHXD, kiến trúc.

Về hoạt động ĐTXD thì hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động ĐTXD gồm lập, thẩm định, phê duyệt dự án, khảo sát, thiết kế xây dựng, cấp giấy phép, thi công, nghiệm thu, bảo hành và bảo trì công trình xây dựng...; thẩm định dự án ĐTXD, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra công tác lựa chọn nhà thầu; giám định chất lượng công trình, giám định sự cố công trình; lập và quản lý chi phí ĐTXD công trình (đơn giá xây dựng, giá nhân công, giá ca máy và thiết bị xây dựng, giá VLXD...); cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng cho các nhà thầu nước ngoài; cấp chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III cho các tổ chức tham gia hoạt động xây dựng; xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật, đăng tải và cung cấp thông tin về năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh; kiểm tra thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động,

môi trường trong thi công xây dựng, hướng dẫn giải quyết sự cố mất an toàn kỹ thuật trong thi công xây dựng công trình...

Về phát triển đô thị lập các loại quy hoạch, chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và cho từng đô thị trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với chiến lược quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị quốc gia... đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để ĐTXD và phát triển các đô thị đồng bộ, các chính sách, giải pháp quản lý đô thị hóa, khuyến khích phát triển các dịch vụ công trong lĩnh vực phát triển đô thị; đánh giá, phân loại đô thị hàng năm theo các tiêu chí được Chính phủ quy định; khai thác sử dụng đất xây dựng đô thị theo quy hoạch và kế hoạch đã được phê duyệt; xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về tình hình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh.

Về cấp, thoát nước đô thị và khu công nghiệp: xây dựng kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu và cơ chế chính sách phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động, khai thác các nguồn lực để phát triển cấp nước, thoát nước trên địa bàn tỉnh, quản lý các dự án ĐTXD công trình, mô hình quản lý hệ thống cấp thoát nước phù hợp với đặc điểm và quy mô đô thị, khu công nghiệp; hướng dẫn quản lý, khai thác, bảo trì hệ thống cấp nước, thoát nước trong đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Về quản lý chất thải rắn thông thường xây dựng kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu và cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, triển khai và quản lý quy hoạch xử lý chất thải rắn; tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động, khai thác các nguồn lực để phát triển quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn.

Về chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị xây dựng các chương trình, và các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển chiếu sáng đô thị và cây

xanh đô thị, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; tham mưu cho UBND cấp tỉnh thực hiện việc cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh và lập danh mục cây trồng, cây cần bảo tồn, cây nguy hiểm, cây cấm trồng...

Về quản lý nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sỹ) xây dựng các cơ chế chính sách khuyến khích ĐTXD nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quy hoạch và các hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, khai thác các nguồn lực trong lĩnh vực xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo phân công của UBND cấp tỉnh.

Về quản lý xây dựng ngầm đô thị xây dựng chương trình và cơ chế chính sách khuyến khích phát triển xây dựng ngầm đô thị; kiểm tra công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị, các công trình ngầm và công tác hạ ngầm các đường dây, đường cáp trong đô thị; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị.

Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về hạ tầng kỹ thuật bao gồm thực trạng về xây dựng phát triển, tình hình đầu tư xây dựng và triển khai dự án ĐTXD các công trình hạ tầng kỹ thuật tại địa bàn tỉnh, quản lý các giá dịch vụ liên quan đến hạ tầng kỹ thuật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.

Về nhà ở nghiên cứu xây dựng trình UBND cấp tỉnh, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, các chương trình về hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng xã hội gặp khó khăn về nhà ở; hướng dẫn việc lập, thẩm định, phê duyệt các dự án phát triển nhà ở, lựa chọn chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở thương mại và nhà ở xã hội (XH); tổ chức thẩm định giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở XH đối với các dự án phát triển nhà ở XH; xây dựng khung giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở XH cho các hộ gia đình, cá nhân tự xây

dựng; xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở XH hàng năm, 05 năm được ĐTXD bằng nguồn vốn ngân sách địa phương hoặc bằng nguồn vốn xã hội hóa; tham mưu cho UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung quỹ đất dành để phát triển nhà ở XH trong quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị của tỉnh; quyết định thu hồi đất thuộc các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới đã giao cho các chủ đầu tư, nhưng không triển khai hoặc triển khai chậm so với tiến độ; xây dựng kế hoạch phát triển quỹ nhà ở công vụ; xây dựng và công khai các tiêu chuẩn, đối tượng và điều kiện được mua, thuê mua nhà ở XH, thuê nhà ở công vụ, nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, ban hành khung giá cho thuê nhà ở công vụ, khung giá cho thuê, thuê mua và giá bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; định giá các loại nhà theo khung giá, nguyên tắc và phương pháp định giá các loại nhà của Nhà nước; kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn xây dựng nhà ở, nhà ở XH...

Về công sở tổ chức lập, thẩm định quy hoạch phát triển hệ thống công sở các cơ quan hành chính nhà nước; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn xây dựng công sở, trụ sở làm việc, quy chế quản lý, sử dụng, chế độ bảo hành bảo trì công sở, trụ sở làm việc; tổ chức điều tra thống kê, đánh giá định kỳ về công sở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Về thị trường BĐS xây dựng cơ chế, chính sách phát triển và quản lý thị trường BĐS; các giải pháp minh bạch hóa hoạt động giao dịch, kinh doanh BĐS; điều tiết và bình ổn thị trường BĐS; tổ chức thẩm định hồ sơ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ các dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở..., hướng dẫn kiểm tra các quy định của pháp luật trong hoạt động mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; thực hiện việc cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề môi giới BĐS; tổ chức xây dựng hệ thống thông tin về thị trường BĐS, hoạt động kinh doanh BĐS.

Về vật liệu xây dựng (VLXD) lập, thẩm định các quy hoạch phát triển VLXD, quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm VLXD phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển VLXD quốc gia; hướng dẫn các hoạt động thăm định, đánh giá về công nghệ khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm VLXD, nguyên liệu sản xuất xi măng...; kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD...; hướng dẫn các quy định của pháp luật về kinh doanh VLXD; kiểm tra chất lượng các sản phẩm, hàng hóa VLXD được sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng. Tham mưu cho UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước đối với các DN, kinh tế tư nhân, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ; thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực quản lý của Sở; tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường...; thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc ngành Xây dựng; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí; quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách Nhà nước được phân bổ theo quy định của pháp luật; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, viên chức, vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng... Sở Xây dựng và Sở Quy hoạch - Kiến trúc có Giám đốc và không quá 03 Phó giám đốc.

Phòng Quản lý đô thị là cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, quản lý nhà nước về các lĩnh vực QHXD, kiến trúc, hoạt động ĐTXD, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị (gồm cấp, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, cơ sở sản xuất VLXD,

chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị, quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sỹ,...); nhà ở, công sở, thị trường BĐS, VLXD. Phòng Kinh tế và Hạ tầng là cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thực hiện chức năng tham mưu, quản lý nhà nước về QHXD, kiến trúc, hoạt động ĐTXD, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhà ở, công sở, thị trường BĐS, VLXD trên địa bàn huyện.

Nhiệm vụ và quyền hạn bao gồm: Trình UBND cấp huyện ban hành các quyết định, chỉ thị, các quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm; hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, dự án trong các lĩnh vực (quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng; tham mưu cho UBND cấp huyện trong quản lý hoạt động ĐTXD, quản lý VLXD, thực hiện việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép xây dựng công trình và kiểm tra việc xây dựng công trình; lập chương trình phát triển đô thị; việc cấp phép, chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị, quản lý nghĩa trang theo phân cấp); lập, thẩm định, trình UBND cấp huyện phê duyệt đồ án QHXD; tổ chức công bố, công khai các quy chế quản lý QHXD, kiến trúc đô thị; kiểm tra và thực hiện việc xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, bảo trì, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý về nhà ở, đánh giá định kỳ về nhà ở, công sở và thị trường BĐS; kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc ngành Xây dựng; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí trong ngành Xây dựng; quản lý tài chính, tài sản của Phòng; quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, chế độ tiền lương, chính sách...

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh**

Ngày 13 tháng 10 năm 2015, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND quy định về bồi thường, hỗ trợ, và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này áp dụng cho các đối tượng gồm cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; người sử dụng đất; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Đối với trường hợp Nhà nước thu hồi toàn bộ thửa đất ở có vườn, ao nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì được xác định theo giấy chứng nhận; nếu phải xác định lại diện tích đất ở thì hạn mức đất ở khi xác định lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2015. Đối với trường hợp, Nhà nước thu hồi một phần diện tích thửa đất ở có vườn, ao nếu diện tích còn lại của thửa đất sau khi thu hồi lớn hơn hoặc bằng hạn mức công nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh quy định thì diện tích đất bị thu hồi được xác định là đất nông nghiệp; nếu diện tích còn lại của thửa đất sau khi thu hồi nhỏ hơn hạn mức công nhận quyền sử dụng đất thì diện tích các loại đất bị thu hồi như sau (Diện tích được bồi thường đất ở bằng (=) diện tích hạn mức công nhận đất ở theo quy định của UBND tỉnh trừ (-) diện tích còn lại của thửa đất. Phần diện tích còn lại sau khi trừ đi diện tích đất ở được xác định là đất nông nghiệp.

Đối với trường hợp Nhà nước thu hồi một phần diện tích thửa đất ở có vườn, ao thì nếu diện tích còn lại sau khi Nhà nước thu hồi nhỏ hơn hạn mức giao đất ở của địa phương nhưng lớn hơn diện tích tối thiểu được cấp giấy chứng nhận do UBND tỉnh quy định tại thời điểm thu hồi đất và phù hợp quy hoạch, đủ điều kiện làm nhà ở. Nếu hộ gia đình, cá nhân có nguyện vọng được ở lại thì không thực hiện thu hồi phần diện tích này; nếu có nguyện vọng ở lại hoặc không phù hợp quy hoạch, không đủ điều kiện xây dựng nhà ở thì thực hiện thu hồi đất và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Nếu diện tích còn lại sau khi thu hồi hơn diện tích tối thiểu được cấp giấy chứng nhận thì thực hiện thu hồi đất và thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Theo Quy định này, việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền; Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng (01) thửa đất ở thì căn cứ quỹ đất tái định cư đối với trường hợp thu hồi hết thửa đất ở thì số hộ gia đình được giao đất (mỗi hộ một lô đất) là hộ đủ điều kiện tách hộ đang sinh sống trong hộ gia đình trên thửa đất thu hồi; diện tích được giao cho mỗi hộ gia đình không lớn hơn hạn mức giao đất ở của địa phương. Đối với trường hợp thu hồi một phần thửa đất ở nhưng bình quân diện tích đất còn lại so với số hộ gia đình nhỏ hơn hạn mức giao đất ở của địa phương thì

số hộ gia đình được giao đất (mỗi hộ một lô đất) là hộ đủ điều kiện tách hộ đang sinh sống trong hộ gia đình trên thửa đất thu hồi. Trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở thì hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường về đất ít hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu thì được hỗ trợ khoản chênh lệch đó; trường hợp không nhận đất ở, nhà ở tại khu tái định cư thì được nhận tiền hỗ trợ tương đương với khoản chênh lệch đó. Nếu hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng suất đầu tư hạ tầng tính cho mỗi lô đất được giao tại khu tái định cư tập trung.

Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì phần diện tích này được xác định lại nguồn gốc, thời gian sử dụng đất theo quy định của pháp luật để thực hiện bồi thường về đất.

Trong trường hợp bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất thì trường hợp có giấy tờ xác định được diện tích của từng đối tượng đang sử dụng đất thì phương án bồi thường được lập, phê duyệt, chi trả tiền bồi thường cho từng đối tượng; nếu không có giấy tờ xác định diện tích đất thuộc quyền sử dụng riêng của các đối tượng đang sử dụng thì lập, phê duyệt phương án bồi thường chung cho các đối tượng đồng quyền sử dụng đất.

Đối với trường hợp bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ thì với trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất, nhưng làm hạn chế khả năng thì được bồi thường bằng tiền, mức bồi thường đối với loại đất ở, đất phi nông nghiệp sản xuất kinh doanh không phải là đất ở được nhà nước giao đất thu tiền sử dụng đất được bồi thường bằng 50% đất cùng loại trong Bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành (x) với

diện tích bị hạn chế khả năng sử dụng; đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất trong hành lang bảo vệ được bồi thường bằng 30% đất cùng loại trong Bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành (x) với diện tích bị hạn chế khả năng sử dụng.

Bồi thường, hỗ trợ về đất, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất theo quy định thì được hỗ trợ bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 1 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá được UBND tỉnh ban hành. Đối với trường hợp UBND cấp huyện chưa tổ chức giao đất cho hộ gia đình, cá nhân nhưng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai, mà đất nông nghiệp vẫn do Hợp tác xã nông nghiệp quản lý và đã giao khoán ổn định cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất của Hợp tác xã nông nghiệp việc bồi thường về đất thực hiện theo quy định hiện hành.

Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các trường hợp thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, đất ở bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai thì diện tích đất ở được giao tái định cư bằng hạn mức giao đất ở theo hình thức định giá được UBND tỉnh quy định tại thời điểm thu hồi đất. Đối với trường hợp thu hồi đất do có nguy cơ sạt lở, sụt lún thì hộ gia đình được hỗ trợ chi phí di chuyển; đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất thì được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường. Đối với nhà và công trình khác gắn liền với đất thì mức bồi thường = giá trị hiện có của nhà, công trình + 20% giá trị hiện có của nhà. Đối với công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, mức bồi thường bằng giá trị dự toán xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn tương đương sau khi trừ giá trị vật liệu thu hồi (nếu có), công trình hạ tầng kỹ thuật mà không còn sử dụng được hoặc thực tế không sử dụng, thì khi Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường. Đối với nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi

thường, nhưng tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình thì được hỗ trợ 80% mức bồi thường theo quy định. Nhà, công trình xây dựng trước ngày 01/07/2004 trên đất không đủ điều kiện được bồi thường, nhưng tại thời điểm xây dựng vi phạm kế hoạch sử dụng đất nhưng không bị cơ quan có thẩm quyền thông báo đình chỉ thì được hỗ trợ bằng 50% giá trị bồi thường.

Theo Quy định này, người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà, công trình theo đơn giá xây dựng mới đối với từng hạng mục được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

Việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ do phải di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất cho các hộ gia đình và cá nhân đối với trường hợp di chuyển chỗ ở trong phạm vi xã, phường, thị trấn 3.000.000 đồng/hộ; di chuyển đến xã, phường, thị trấn khác trong đơn vị cấp huyện nơi có đất thu hồi 4.000.000 đồng/hộ; di chuyển đến huyện khác trong tỉnh 5.000.000 đồng/hộ; di chuyển đến tỉnh khác 8.000.000 đồng/hộ.

Tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp khi Nhà nước thu hồi mà phải di chuyển cơ sở sản xuất, kinh doanh thì được bồi thường kinh phí để tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt.

Người bị thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở khác trên địa bàn nơi thu hồi đất thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở với mức hỗ trợ như sau: Tại địa bàn thành phố Vinh với hộ gia đình có từ 05 khẩu trở lên, mức hỗ trợ là 3.000.000 đồng/ tháng/ hộ, hộ có 04 khẩu trở xuống, mức hỗ trợ là 2.000.000 đồng/ tháng/ hộ. Tại địa bàn các thị xã với hộ gia đình có 05 khẩu trở lên, mức hỗ trợ là 2.000.000 đồng/ tháng/ hộ; hộ gia đình có 04 khẩu trở xuống, mức hỗ trợ là 1.500.000 đồng/ tháng/ hộ... Thời gian hỗ trợ thuê nhà là 06 tháng, nếu quá 06 tháng thì giao UBND cấp huyện Quyết định thời

gian thực tế chờ tạo lập chỗ ở mới, nhưng tối đa không quá 12 tháng.

Trường hợp phải di chuyển đến cơ sở mới nhưng Nhà nước chưa kịp bố trí địa điểm di chuyển thì được hỗ trợ thuê trụ sở, nhà xưởng, nhà làm việc,... Mức hỗ trợ xác định bằng diện tích thuê nhân (x) đơn giá thuê do UBND tỉnh quy định cho thời gian tính từ khi bàn giao toàn bộ mặt bằng đến khi có thông báo nhận địa điểm mới của UBND tỉnh. Thời gian hỗ trợ tối đa không quá 12 tháng.

Mức hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho các hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 01 tháng; từ 10% đến 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng; thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng; thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở, trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở. TH thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở. Nếu phải di chuyển đến các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì được hỗ trợ là 36 tháng. Mức hỗ trợ cho 01 nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo/ 01 tháng. Đối với các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất, kinh doanh mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh thì được hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế.

Quy định này hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo hình thức hỗ trợ bằng tiền, mức hỗ trợ 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại; diện tích đất được hỗ trợ là toàn bộ diện tích đất bị thu hồi nhưng không

vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở thì hỗ trợ bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 3 năm liền kề trước đó.

Mức hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn được hỗ trợ bằng tiền với mức 100% giá đất nông nghiệp, trong đó hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nguồn gốc là do nhận thầu, nhận khoán hoặc thuê đất công ích của UBND cấp xã thì được bồi thường giá trị chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định.

Theo Quy định này, suất tái định cư tối thiểu về diện tích tại địa bàn thành phố Vinh, các thị xã, thị trấn ven biển là 50 m², các địa bàn còn lại là 80m². Giá đất là giá cụ thể để thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư do UBND tỉnh quyết định. Suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền. Trình tự lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày được giao nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng. Thời gian công bố công

khai trên phương tiện thông tin đại chúng cấp xã, niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã... trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kế hoạch giải phóng mặt bằng. Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực có đất thu hồi không phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng vận động, thuyết phục trong thời hạn 10 ngày mà người sử dụng đất vẫn không phối hợp thì Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc. Trường hợp người có đất bị thu hồi không chấp hành thì Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm hiện trạng.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.nghean.gov.vn)

Tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định quy định mức thu giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và thị xã Thái Hòa

Ngày 02 tháng 11 năm 2015, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 65/2015/QĐ-UBND quy định mức thu giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và thị xã Thái Hòa.

Quyết định này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu tiền dịch vụ thoát nước và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có xả nước thải vào hệ thống thoát nước tập trung trên địa bàn thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, thị xã Thái Hòa tỉnh Nghệ An; các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình chịu giá dịch vụ thoát nước

theo quy định này thì không chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt quy định tại Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND về việc quy định mức thu, chế độ quản lý phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Mức thu đối với địa bàn thành phố Vinh cho hộ gia đình, cá nhân là 1.200 đồng/m³, cơ quan hành chính, sự nghiệp là 1.600 đồng/m³, cơ sở kinh doanh, dịch vụ là 3,500 đồng/m³, cơ sở sản xuất là 2.400 đồng/m³. Đối với địa bàn thị xã Cửa Lò, thị xã Thái Hòa sau khi hệ thống thoát nước và nhà máy xử lý nước thải đi vào

hoạt động, thực hiện mức thu bằng 80% mức giá áp dụng cho các đối tượng thực hiện trên địa bàn thành phố Vinh.

Theo đó, việc xác định lượng nước thải để thu tiền đối với nước thải sinh hoạt thì các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước. Các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước; các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải; trường hợp không lắp đặt đồng hồ, đơn vị thoát nước và hộ thoát nước căn cứ hợp đồng dịch vụ thoát nước để thống nhất về khối lượng nước thải cho phù hợp.

Nguồn thu từ dịch vụ thoát nước do chủ sở hữu hệ thống thoát nước quản lý và được sử

dụng theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Công ty TNHH một thành viên cấp nước Nghệ An, các cơ sở cung cấp nước sạch khác sử dụng hóa đơn bán hàng của đơn vị mình để tổ chức thu tiền đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ sử dụng nước sạch của đơn vị.

UBND thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, thị xã Thái Hòa chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan phê duyệt phương án tổ chức thu trên cơ sở đề nghị của đơn vị cấp, thoát nước và xử lý nước thải đối với hộ thoát nước là các tổ chức, hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh... không sử dụng nước sạch của các cơ sở cung cấp nước sạch trên địa bàn. Các đơn vị được giao nhiệm vụ thu tiền thoát nước được hưởng chi phí dịch vụ thu, mức cụ thể do Chủ sở hữu công trình hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, thị xã Thái Hòa thỏa thuận nhưng tối đa không quá 5% số tiền thu được để phục vụ cho hoạt động thu.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016.

Xem toàn văn tại (www.nghean.gov.vn)



Hội thảo “Công nghệ xử lý nền đất yếu theo phương pháp ổn định toàn khối”

“Công nghệ xử lý nền đất yếu ổn định toàn khối” là công nghệ xanh sạch. Bản chất công nghệ này là khi gia cố nền đất không cần bốc đất yếu đi chỗ khác, mà xử lý tại chỗ, dùng thiết bị khoan, trộn chất kết dính để đất mềm trở nên cứng hơn, chịu được tải trọng lớn hơn. Công nghệ này rất thích hợp với những vùng đất ô nhiễm, thay vì chuyển đất bị ô nhiễm gây ra nguy cơ ô nhiễm vùng khác thì công nghệ này giữ lại, xử lý tại chỗ” - Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng cho biết tại hội thảo “Xây dựng Tiêu chuẩn xử lý nền đất yếu - Phương pháp xử lý nông và giới thiệu công nghệ xử lý nền đất yếu theo phương pháp ổn định toàn khối”, được tổ chức ngày 28/11/2015, tại Hà Nội.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Lê Quang Hùng mong muốn chuyên gia 2 nước Việt Nam - Phần Lan phân tích cụ thể những ưu việt của phương pháp xử lý nông và công nghệ xử lý nền đất yếu theo phương pháp ổn định toàn khối đối với các công nghệ khác đang được áp dụng tại Việt Nam, về các phương diện kinh tế, xã hội, môi trường. Bên cạnh đó, Thứ trưởng Lê Quang Hùng cũng đề nghị các chuyên gia xác định rõ việc áp dụng công nghệ này trong những trường hợp, điều kiện nào sẽ mang lại hiệu quả cao nhất, đồng thời xem xét, góp ý xây dựng Tiêu chuẩn xử lý nền đất yếu ở Việt Nam.

Tại Hội thảo, Đại sứ Phần Lan tại Việt Nam Ilkka Pekka Simila đánh giá Việt Nam là đất nước năng động, đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ, đồng thời đề cao mối quan hệ hợp tác giữa Chính phủ 2 nước Việt Nam - Phần Lan trong những năm qua. Ông nhận định, với việc phổ biến phương pháp xử lý nông và giới thiệu công nghệ xử lý nền đất yếu theo phương pháp ổn định toàn khối của Phần Lan tại Việt Nam, mối quan hệ hợp tác giữa 2 nước sẽ ngày càng phát triển hơn nữa.



Hội thảo thu hút sự quan tâm của nhiều chuyên gia trong và ngoài nước

Công nghệ gia cố nông, xử lý nền đất yếu theo phương pháp ổn định toàn khối sẽ giúp phần cải tạo, biến đổi nền đất bùn, đất yếu thành nền đất có cường độ cao, khắc phục được hiện tượng sụt lún, chịu được tải trọng của các dạng công trình khác nhau từ các công trình xây dựng dân dụng cho đến các công trình giao thông, sân bay, cầu cảng... Công nghệ này giúp tận dụng đất bùn phế thải, là loại đất chỉ có thể đổ bỏ đi, gây ô nhiễm môi trường thành một loại đất mới có thể sử dụng được làm nền và móng cho công trình xây dựng.

Ngoài ra, đối với các loại đất bị nhiễm phen, nhiễm mặn, hoặc bị ô nhiễm, sử dụng công nghệ này cũng góp phần giúp cải tạo và khai thác những loại đất đó một cách có hiệu quả. Công nghệ này còn góp phần bảo vệ môi trường do tận dụng phế thải của các ngành công nghiệp khác như tro bay, xỉ than của các nhà máy nhiệt điện làm chất phụ gia, kết dính để sử dụng cho chính việc xử lý nền đất yếu này.

Ông Vũ Quang Bảo - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phát triển công nghệ xanh bền vững BCX (Công ty BCX) cho biết: “Hiện nay, việc bảo vệ môi trường đang là thách thức toàn cầu và Việt Nam là một trong 10 quốc gia chịu ảnh hưởng lớn nhất về các vấn đề liên quan đến môi



Thứ trưởng Lê Quang Hùng tham quan thử nghiệm công nghệ gia cố nền đất yếu toàn khối nông tại công trường dự án The Manor Central Park tại Hà Nội

trường”. Đối với Bitexco, trong bất kỳ công trình nào, kiến trúc xanh và chống biến đổi khí hậu luôn được ưu tiên hàng đầu. Với định hướng này, công ty BCX đã được ra đời với sứ mệnh quan trọng là phát triển các công nghệ xanh, bền vững và thân thiện với môi trường. Công ty BCX đã được Tập đoàn Bitexco giao nhiệm vụ nhận chuyển giao, phát triển và ứng dụng rộng rãi công nghệ gia cố nông, xử lý nền đất yếu theo phương pháp ổn định toàn khối từ Phần Lan để áp dụng tại Việt Nam.”

Ông Pentti Viitikko - Chủ tịch của công ty RUSOL Phần Lan - đơn vị đối tác của BCX chia sẻ: “Chúng tôi đã chọn BCX để bàn giao giải pháp ổn định khối lượng này. Tại thời điểm này chúng tôi đang trong quá trình thử nghiệm các công trình trong thành phố Hà Nội. Chúng tôi

coi đây là một sự khởi đầu của công nghệ này để lan rộng ở Việt Nam. Chúng tôi hy vọng rằng các tiêu chuẩn kỹ thuật sẽ được phê duyệt và công bố khá sớm như tất cả các thông tin từ tiêu chuẩn châu Âu đã được chuyển giao cho các đối tác địa phương và cơ quan chức năng”.

Theo các chuyên gia, công nghệ mới này còn thân thiện với môi trường ở góc độ có thể tận dụng tro bay, xỉ than sản sinh ra nhiều từ nhà máy nhiệt điện làm chất kết dính, vừa không gây ô nhiễm lại hiệu quả, đồng thời có triển vọng áp dụng sâu rộng ở Việt Nam. Hiện nay, Trường ĐH Xây dựng và công ty CP Phát triển công nghệ xanh bền vững- BCX đang soạn thảo Tiêu chuẩn cơ sở về thiết kế, thi công và kiểm tra chất lượng khi gia cố khối để trình phê duyệt ban hành, trước khi đưa công nghệ này áp dụng rộng rãi trong nước.

Ông Pentti Viitikko - Chủ tịch của Công ty Rusol (Phần Lan) - đơn vị chuyển giao công nghệ cho hay: Công nghệ này đã được áp dụng tại nhiều nước như Phần Lan, Mỹ, Malaixia...nhất là các công trình cầu cảng, khu vực có nền đất yếu. Ưu điểm nổi bật là tận dụng các nguồn vật liệu xây dựng từ các ngành công nghiệp khác như tro bay, xỉ than... làm chất kết dính, giúp cho việc không phải thải bỏ đất gây ô nhiễm môi trường, đồng thời giảm chi phí cho dự án khi được giảm phí vận chuyển...

Trần Đình Hà

Hội nghị nghiệm thu các đề tài khoa học của Viện Vật liệu xây dựng

Ngày 8/12/2015, tại Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị nghiệm thu của Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đối với các đề tài khoa học do Viện Vật liệu xây dựng thực hiện. Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng - TS. Lê Trung Thành - Chủ tịch Hội đồng chủ trì Hội nghị.

Tại Hội nghị, đại diện các nhóm thực hiện

nhiệm vụ đã báo cáo về quá trình thực hiện, cũng như các kết quả nghiên cứu.

Đại diện nhóm nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn “Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Xác định chỉ số methylen xanh” - ThS. Tống Thị Hải Liên cho biết, Việt Nam đã có tiêu chuẩn TCVN 7572 - 8:2006 quy định phương pháp xác định hàm lượng bùn, bụi, sét

có trong cốt liệu bằng phương pháp gạn rửa; xác định hàm lượng sét cục bằng phương pháp dùng kim sắt tách các hạt sét ra khỏi các hạt cốt liệu nhỏ thông qua tính dẻo của sét. Cỡ hạt nhỏ nhất của mẫu dùng trong thí nghiệm không nhỏ hơn 1,25 mm. Đối với cốt liệu có cỡ hạt nhỏ hơn 1,25 mm tiêu chuẩn này không đề cập đến. Trong khi đó, trên thế giới đã có nhiều tiêu chuẩn phương pháp thử xác định chỉ số hấp phụ methylen xanh của cốt liệu dùng cho bê tông và đánh giá chất lượng cốt liệu qua chỉ số hấp phụ methylen xanh thu được. Phương pháp này áp dụng hiệu quả cho cốt liệu có cỡ hạt nhỏ và siêu nhỏ. Việc kiểm soát chất lượng cốt liệu dùng cho bê tông là công tác bắt buộc trong sản xuất bê tông. Do đó, thực hiện đề tài này là nhiệm vụ cấp thiết. Dự thảo tiêu chuẩn này quy định phương pháp xác định chỉ số methylen xanh của cốt liệu có cấp hạt từ 0 đến 2mm. Dựa vào quy trình và kết quả thí nghiệm của 03 tiêu chuẩn nước ngoài là BS EN 933-9:1999; ASTM C-837-09; AASHTO T330-07 (2011), kết hợp với việc khảo sát lượng cân mẫu cốt liệu và nồng độ dung dịch methylen xanh, nhóm nghiên cứu đã xây dựng quy trình thí nghiệm hấp phụ methylen xanh để đưa vào dự thảo. Sau khi phân tích 10 mẫu cốt liệu theo các quy trình trong ba tiêu chuẩn trên đây và theo dự thảo tiêu chuẩn đề xuất, mối tương đồng rất rõ ràng - sự sai khác của các mẫu lập không đáng kể, giá trị độ lệch chuẩn lớn nhất chỉ là 0,1201 cho tất cả các mẫu thí nghiệm. Không có sự khác biệt trong quy trình phân tích giữa dự thảo so với các tiêu chuẩn nước ngoài.

Trình bày về sự cần thiết của đề tài nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn “Tro xỉ nhiệt điện - Phương pháp xác định hàm lượng vôi tự do”, chủ nhiệm đề tài Lê Thị Thảo cho biết: “Hiện nay trên toàn thế giới, xấp xỉ 65% lượng tro xỉ sản sinh từ các nhà máy nhiệt điện đốt than được mang đi chôn lấp”. Điều này tạo những hệ lụy nhất định đối với môi trường xung quanh như gây ô nhiễm không khí, thu hẹp quỹ đất. Việc tái



Toàn cảnh cuộc họp nghiệm thu

sử dụng tro xỉ vì vậy rất được quan tâm, bởi tro xỉ có thể thay thế được nhiều nguyên liệu nguyên sơ khác, tiết kiệm chi phí để khai thác và chế biến, tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên cho đất nước. Các lĩnh vực có thể ứng dụng tro xỉ thải là sản xuất bê tông và các kết cấu bê tông, đắp đường, điền đầy các cấu trúc, làm ổn định chất thải và làm cứng, vật liệu thô cho clinker xi măng và gạch nung, phục hồi các hầm mỏ, ổn định khu vực đất yếu, làm nền đường và phụ gia khoáng cho bê tông làm đường... Trong các nghiên cứu tái sử dụng tro xỉ nhiệt điện, kiểm soát hàm lượng vôi tự do trong thành phần tro xỉ là một khâu quan trọng; bởi vì trong môi trường có độ ẩm, CaO tự do sẽ tham gia phản ứng hydrat hóa, từ đó xảy ra hiện tượng nở thể tích, khiến sản phẩm có thể nứt vỡ. Dự thảo tiêu chuẩn này quy định phương pháp phân tích hóa học để xác định hàm lượng vôi tự do quy đổi từ tổng hàm lượng canxi oxit tự do và hàm lượng canxi hydroxit trong tro xỉ nhiệt điện (gồm tro bay và tro đáy). Thực hiện đề tài này, nhóm tác giả đã tiến hành thí nghiệm mẫu theo các phương pháp được đề cập tại các tiêu chuẩn liên quan trong và ngoài nước, đi tới kết luận chọn ASTM C 114:2010 - Phương pháp A và BS EN 451-1:2003 dùng để xác định hàm lượng CaO tự do trong mẫu tro xỉ nhiệt điện, clinker xi măng và xi măng, song có thay đổi lượng cân mẫu theo biểu bảng đề xuất cho phù hợp đối tượng mẫu là tro xỉ thải từ các nhà máy nhiệt điện của Việt Nam.

Dự thảo tiêu chuẩn “Nguyên liệu tự nhiên

cho sản xuất vật liệu xây dựng - Phương pháp xác định hàm lượng silic dioxide dạng quartz” (mã số TC 90 -14) quy định phương pháp phân tích hóa học xác định hàm lượng silic dioxide dạng quartz của một số nguyên liệu tự nhiên sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng như đất sét, đất cao silic, cao lanh, đá vôi, dolomit, thạch cao, cát...- các nguyên liệu của công nghiệp sản xuất xi măng và gốm sứ. SiO₂ đóng vai trò rất quan trọng và là chỉ tiêu được chú trọng đặc biệt trong thành phần hóa học của các nguyên liệu này. Theo chủ nhiệm đề tài - ThS. Nguyễn Thị Hải Yến, trong hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam hiện nay chưa có tiêu chuẩn phân tích hóa nào để cập tới phương pháp xác định hàm lượng SiO₂ dạng quartz. Đảm bảo tính thống nhất cao về phương pháp tiến hành, đảm bảo mức độ tương đồng về kết quả phân tích giữa các phòng thí nghiệm, đảm bảo độ chính xác của kết quả phân tích, qua đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là các mục tiêu chính của đề tài. Trong dự thảo, các tác giả đã đề xuất được các điều kiện tối ưu về lượng mẫu cân, nồng độ hóa chất sử dụng, nhiệt độ nung, thời gian nung cho các bước tiến hành có liên quan, đảm bảo thao tác thực nghiệm dễ dàng, kết quả phân tích có độ chụm và độ đúng cao. Để đưa ra được phương pháp thử, các tác giả đã tham khảo nhiều tài liệu tiêu chuẩn liên quan trong và ngoài nước, kết hợp tham khảo kinh nghiệm của nhiều đơn vị sản xuất xi măng và sản phẩm gốm sứ trong nước.

Dự thảo tiêu chuẩn “Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử - Xác định độ ổn định của cốt liệu bằng cách sử dụng natri sulfat hoặc magne-si sulfat” quy định phương pháp thử đánh giá độ ổn định của cốt liệu để chế tạo bê tông và vữa hoặc các ứng dụng khác dưới tác động của thời tiết, môi trường bằng cách sử dụng dung dịch natri sulfat hoặc magne-si sulfat bão hòa. Theo CN. Nguyễn Thị Xuân Thu - chủ nhiệm đề tài, các đặc tính của cốt liệu như module đàn hồi,

hình dạng bề mặt, kích thước hạt, cấp phối, độ đặc chắc...có ảnh hưởng rất lớn đến tính kháng nứt của bê tông. Hiện tại, Việt Nam chưa có tiêu chuẩn đánh giá độ bền cốt liệu thông qua các dung dịch bão hòa nêu trên; trong khi tại nhiều quốc gia tiên tiến như Anh, Mỹ, phép thử này là bắt buộc. Phương pháp thử này sẽ cung cấp những thông tin chuẩn xác về độ bền vững của cốt liệu trong bê tông, cũng như cho các mục đích sử dụng khác. Các giá trị thu được sau khi thử nghiệm sẽ giúp đưa ra những thiết kế phù hợp cho mục đích sử dụng cốt liệu. Do đó, việc thực hiện đề tài này rất cần thiết. Giải thích việc lựa chọn phương pháp được quy định trong ASTM C88 làm cơ sở để xây dựng tiêu chuẩn, nhóm tác giả cho biết: ngâm cốt liệu trong dung dịch bão hòa natri sulfat hoặc magne-si sulfat được coi là phương pháp thay thế hiệu quả trong điều kiện khí hậu nóng ẩm của Việt Nam, với mô hình mất nước và ngâm nước của muối kết tinh trong không gian lỗ rỗng của cốt liệu; hơn nữa dụng cụ áp dụng dễ tìm trên thị trường, thao tác đơn giản, dễ thực hiện.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao chuyên môn, phương pháp xây dựng tiêu chuẩn khoa học, bài bản của các nhóm tác giả. Cả 04 tiêu chuẩn đều được xây dựng mới, có tham khảo các tiêu chuẩn trong nước và tiêu chuẩn nước ngoài tương đương (ASTM, GOST, AASHTO...), đồng thời có sự lựa chọn áp dụng phương pháp thử cho phù hợp với các điều kiện và thiết bị của các phòng thí nghiệm trong nước, nội dung kỹ thuật của các tiêu chuẩn này khá gần gũi với các tiêu chuẩn Việt Nam đã được ban hành trước đó, đồng thời vận dụng tốt một số thông tin khoa học mới cập nhật có thể áp dụng trong điều kiện phòng thí nghiệm ở nước ta, sau khi rà soát, chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng có thể đủ điều kiện ban hành.

Lệ Minh

Nghiệm thu nhiệm vụ soát xét tiêu chuẩn TCVN về gạch gốm ốp lát ép bán khô

Ngày 9/12/2015, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu nhiệm vụ soát xét tiêu chuẩn “Gạch gốm ốp lát ép bán khô - Yêu cầu kỹ thuật” (mã số TC 73-14) do Viện Vật liệu xây dựng chủ trì thực hiện. TS. Hoàng Quang Nhu - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng được ủy quyền làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo trước Hội đồng nghiệm thu, thay mặt nhóm nghiên cứu, KS. Đặng Thị Minh Hoa cho biết, tiêu chuẩn TCVN 7745 “Gạch gốm ốp lát ép bán khô - Yêu cầu kỹ thuật” đã được xây dựng từ năm 2007 trên cơ sở tiêu chuẩn ISO 13006:1998 và được áp dụng cho tới nay. Tuy nhiên, sản phẩm gạch gốm ốp lát được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau như lát, ốp, trang trí... nên các yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn hiện hành thể hiện một số chỉ tiêu không còn phù hợp thực tế sử dụng (ví dụ: chỉ tiêu độ cứng vạch bề mặt; chỉ tiêu hệ số ma sát; sai lệch kích thước, hình dạng và chất lượng bề mặt...). Mặt khác, tiêu chuẩn ISO 13006:1998 đã có phiên bản mới năm 2012. Do đó, việc soát xét TCVN 7745:2007 dựa trên cơ sở ISO 13006:2012 thay thế cho tiêu chuẩn hiện hành là cần thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế trong quá trình ứng dụng.

Trong bản dự thảo tiêu chuẩn soát xét, nhóm nghiên cứu đã bổ sung hoặc sửa một số nội dung theo ISO 13006:2012. Các phần thuật ngữ - định nghĩa; một số chỉ tiêu cơ lý như lực uốn gãy, độ chịu mài mòn sâu đối với gạch không phủ men, độ chịu mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men, hệ số giãn nở nhiệt dài, độ bền sốc nhiệt... đều có bổ sung sửa đổi theo phiên bản mới. Đặc biệt, một số yêu cầu kỹ thuật liên quan trực tiếp tới công tác đánh giá chất lượng sản phẩm như chỉ tiêu về dung sai của kích thước, hình dạng và chất lượng bề mặt, trong dự thảo tiêu chuẩn đã được cập nhật cho phù hợp thực tế sản xuất



Toàn cảnh cuộc họp nghiệm thu
trong nước, cũng như phù hợp với yêu cầu sản phẩm khi xuất khẩu sang một số thị trường. Trong TCVN 7745:2007, mức sai lệch kích thước được chia thành 4 nhóm theo diện tích bề mặt sản phẩm; đơn vị tính của sai lệch kích thước được tính bằng phần trăm (%). Dự thảo tiêu chuẩn đề xuất mức sai lệch kích thước chia thành 2 nhóm theo chiều dài cạnh sản phẩm; đơn vị tính của sai lệch kích thước được tính bằng milimet (mm). Riêng gạch có cạnh N# 15cm, thì mức sai lệch giới hạn có đơn vị tính là % hoặc mm. Tiêu chí này giúp đánh giá chất lượng sản phẩm chính xác hơn. Quan điểm này cũng nhận được sự đồng tình của đại diện của công ty CP Viglacera Tiên Sơn với tư cách là thành viên hội đồng, đồng thời là nhà sản xuất gạch granite uy tín hàng đầu, có sản phẩm được tiêu thụ rộng rãi trong nước và ở nhiều quốc gia khác. Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều nhất trí với sự cần thiết nghiên cứu tiêu chuẩn thay thế TCVN 7745:2007. Hội đồng cũng thảo luận và đóng góp nhiều ý kiến thiết thực về tính nhất quán của thuật ngữ, về cách trình bày, thuyết minh tiêu chuẩn để nhóm nghiên cứu rà soát kỹ, nâng cao tính ứng dụng và tính khả thi của tiêu chuẩn khi áp dụng vào điều kiện Việt Nam. Dự thảo tiêu chuẩn soát xét đã được Hội đồng thông qua với kết quả xếp loại Khá.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu công nghệ cao Hòa Lạc (tỷ lệ 1/5000) đến năm 2030

Ngày 10/12/2015, tại Hà Nội, Hội nghị thẩm định Điều chỉnh quy hoạch chung (QHC) xây dựng Khu công nghệ cao (KCNC) Hòa Lạc đến năm 2030 đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn. Tham dự Hội nghị có đại diện Văn phòng Chính phủ và các Bộ, Ngành liên quan; các Hội và Hiệp hội chuyên ngành, lãnh đạo một số Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng.

Trình bày tóm tắt nội dung Đồ án điều chỉnh quy hoạch, đơn vị tư vấn (Công ty CP tư vấn xây dựng công nghiệp & đô thị Việt Nam - VCC) cho biết: KCNC Hòa Lạc được thành lập theo Quyết định số 198/1998/QĐ-TTg ngày 12/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2008, Quyết định số 621/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 (điều chỉnh lần 1) KCNC Hòa Lạc được thông qua. Về cơ bản, sau 07 năm triển khai thực hiện, Đồ án điều chỉnh lần 1 tuy có các nội dung chính mang tính chất tổng thể, định hướng về vị trí, quy mô và tính chất của KCNC đến nay vẫn khá phù hợp; song trên thực tế một số yếu tố đã phát sinh, tiến độ triển khai các dự án trong KCNC Hòa Lạc hiện đã bị chậm so với Quy hoạch tổng thể được phê duyệt tại Quyết định 198 trước đây. Do đó, việc lập Đồ án điều chỉnh QHC xây dựng KCNC Hòa Lạc đến năm 2030 theo tỷ lệ 1/5000 (điều chỉnh lần 2) là cần thiết. Đây cũng là bước thực hiện Nhiệm vụ điều chỉnh QHC xây dựng tỷ lệ 1/5000 KCNC Hòa Lạc đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 25/1/2014.

Nhằm mục tiêu xây dựng KCNC Hòa Lạc phù hợp với Chiến lược phát triển khoa học - công nghệ quốc gia và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, trên tinh thần điều chỉnh QHC đến năm 2030 không làm thay đổi



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị thẩm định

ranh giới, quy mô, tính chất và cơ cấu phân khu chức năng chính của KCNC đã được phê duyệt tại Quyết định 621, tư vấn phối hợp cùng Chủ đầu tư (Bộ Khoa học & Công nghệ) lập Đồ án điều chỉnh lần 2. Trong Đồ án, tư vấn đã đánh giá kỹ hiện trạng tự nhiên, kinh tế - xã hội; phân tích tình hình triển khai thực hiện Đồ án điều chỉnh lần 1, chỉ rõ khó khăn vướng mắc cần khắc phục; từ đó đề xuất các điều chỉnh về định hướng không gian và quy hoạch sử dụng đất, về thiết kế đô thị, hạ tầng kỹ thuật... Cụ thể, tư vấn đã điều chỉnh, cập nhật QHC KCNC Hòa Lạc cho phù hợp với định hướng QHC Thủ đô Hà Nội và QHC đô thị vệ tinh Hòa Lạc (cùng với Đại học Quốc gia Hà Nội, KCNC Hòa Lạc là một trong những cơ sở khoa học - công nghệ và đào tạo trọng tâm cần được ưu tiên tập trung đầu tư trong đô thị vệ tinh Hòa Lạc theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ). Bên cạnh đó, tư vấn cũng cập nhật một số yếu tố hiện trạng cho phù hợp với tình hình thực tế của KCNC Hòa Lạc như hồ Tân Xã, suối Dừa Gai; giữ lại các công trình điều tiết và hiện trạng các công trình di tích văn hóa ở phía Bắc và phía Nam Đại lộ Thăng Long... Trong Đồ án điều chỉnh lần 1, một số chỉ tiêu quy hoạch các khu chức năng chưa phù

hợp với tính chất KCNC và điều kiện thực tế (ví dụ: mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất Khu Trung tâm và Khu Dịch vụ tổng hợp quá cao, trong khi Khu Thể dục thể thao & Giải trí quá thấp; chức năng các khu có sự chông chéo trùng lặp...). Tại Đồ án lần này, tư vấn đã nghiên cứu đề xuất phương án điều chỉnh cho hợp lý hơn; đề xuất phương pháp tính toán diện tích các khu chức năng và diện tích các công trình hạ tầng kỹ thuật, cây xanh, mặt nước phù hợp; đề xuất các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật (tăng mật cắt ngang của một số tuyến đường giao thông nội bộ; tăng quy mô công suất nhà máy xử lý nước thải; điều chỉnh quy mô hệ thống cấp thoát nước, điện & viễn thông). Để đảm bảo kết nối giao thông giữa các khu chức năng trong KCNC Hòa Lạc, tư vấn đã đề xuất bổ sung thêm một số tuyến đường bên cạnh các tuyến đường đã được xác định trong Đồ án điều chỉnh lần 1.

Trong Đồ án điều chỉnh lần 2, tư vấn vẫn xác định phạm vi ranh giới KCNC Hòa Lạc như sau: KCNC Hòa Lạc nằm về hai phía của Đại lộ Thăng Long trên địa bàn các xã Phú Cát (huyện Quốc Oai), Tân Xã, Hạ Bằng, Thạch Hòa, Bình Yên, Đông Trú (huyện Thạch Thất, Hà Nội); quy mô diện tích xấp xỉ 1586 ha. Các ranh giới giữ nguyên; riêng ranh giới phía Nam của KCNC Hòa Lạc là tuyến đường vành đai của KCN CNC2 sẽ được cập nhật lại cho phù hợp với hiện trạng giao đất của UBND tỉnh Hà Tây trước đây.

Nhìn chung, các thành viên Hội đồng thẩm định đều nhất trí với tính cấp thiết của Đồ án

điều chỉnh, đánh giá cao nỗ lực và sự phối hợp chặt chẽ của đơn vị tư vấn và Chủ đầu tư. Bên cạnh đó, các thành viên cũng đóng góp nhiều ý kiến thiết thực để tư vấn có cơ sở hoàn thiện đồ án. Một số số liệu, chỉ tiêu cấp thoát nước và xử lý nước thải, sử dụng đất... tư vấn cần rà soát lại cho phù hợp tình hình thực tế, đồng thời cần giải trình cơ sở để đưa ra các con số. Theo các thành viên, trong những năm qua, KCNC Hòa Lạc mới chỉ tập trung vào nhiệm vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các công tác đầu tư phát triển khoa học công nghệ chưa đáp ứng được yêu cầu là KCNC tầm quốc gia - nơi cung ứng sản phẩm công nghệ cao, dịch vụ công nghệ cao. Do vậy, Đồ án điều chỉnh lần 2 cần tập trung xác định lộ trình đầu tư hợp lý cho từng giai đoạn phát triển.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn bày tỏ nhất trí với ý kiến các thành viên Hội đồng, đề nghị đơn vị tư vấn tiếp thu các ý kiến đóng góp, nghiên cứu thêm một số nội dung như bổ sung quỹ đất dự trữ, tăng cường diện tích mặt nước cây xanh, nhấn mạnh tính hiện đại trong kiến trúc và thiết kế đô thị. Để đảm bảo tính khả thi cho Đồ án, tư vấn cần xác định rõ nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và vốn xã hội hóa; xác định rõ các dự án ưu tiên đầu tư cũng như phân kỳ đầu tư cụ thể theo từng giai đoạn ngắn hạn từ nay cho tới năm 2030. Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn giao đơn vị tư vấn hoàn chỉnh Đồ án trước cuối năm 2015, để Bộ Xây dựng có căn cứ trình Thủ tướng phê duyệt trong thời gian sắp tới.

Lệ Minh

Liên bang Nga và việc hội nhập các tiêu chuẩn xây dựng với hệ thống tiêu chuẩn châu Âu

Công tác hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn xây dựng luôn là mối quan tâm của những người nắm trọng trách của ngành Xây dựng LB Nga. Trong bài viết này, tác giả mong muốn

đưa ra những phân tích các kết quả đạt được qua quá trình nghiên cứu tìm tòi nhiều năm của các hiệp hội xây dựng, các nhà sản xuất vật liệu xây dựng trong nước, các nhà thiết kế và khảo

sát...của LB Nga. Hiện nay, ước tính hơn 200 tiêu chuẩn xây dựng đã được thông qua và ban hành tại Liên bang Nga, góp phần định hướng cho các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực liên quan, và con số này sẽ còn gia tăng trong thời gian sắp tới.

Tuy nhiên, trong quá trình đồng bộ hóa các tiêu chuẩn của LB Nga với hệ thống tiêu chuẩn châu Âu vẫn còn tồn tại một số vấn đề, trong đó có sự “vênh” khi áp dụng các tiêu chuẩn châu Âu vào hiện thực xây dựng của LB Nga. Hiện tại, LB Nga đang ở giai đoạn khai thác tiêu chuẩn châu Âu có tính tới các điều kiện quy định trong hệ tiêu chuẩn - quy chuẩn trong nước (SNIIP); bởi vì một số tiêu chí trong SNIIP (ví dụ điển hình là tính bền bằng giá của vật liệu xây dựng) sẽ phù hợp hơn với điều kiện của Nga. Việc đồng bộ hóa các tiêu chuẩn liên quan tới vật liệu xây dựng luôn là trọng tâm của vấn đề. Theo bà Larisa Barinova - Chủ tịch Ủy ban Công thương về kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng LB Nga, xấp xỉ 1/4 số lượng tiêu chuẩn xây dựng của LB Nga hiện nay đã hội nhập với tiêu chuẩn châu Âu. Trước hết, đó là các tiêu chuẩn liên quan tới vật liệu cách nhiệt, vật liệu làm mái, vữa khô... Các hướng dẫn kèm theo về ứng dụng tiêu chuẩn châu Âu vào điều kiện khí hậu của LB Nga cũng đã được ban hành. Công tác đồng bộ hóa tiêu chuẩn hiện vẫn đang được tiếp tục, song song với việc giải quyết một loạt vấn đề khác liên quan tới việc thử nghiệm các vật liệu xây dựng và ứng dụng vật liệu vào thực tế, và nghiên cứu thiết bị sản xuất. Đặc biệt, công tác rà soát tiêu chuẩn trong nước theo các tiêu chuẩn châu Âu tương ứng đối với ngành công nghiệp sản xuất xi măng và một số vật liệu xây dựng khác như gỗ dán, vật liệu cách nhiệt...rất được chú trọng. Theo như bà Larisa Barinova nhận định - lĩnh vực này còn liên quan rất nhiều tới kinh doanh, xuất khẩu.

Bên cạnh đó, vấn đề làm thế nào để các tiêu chuẩn châu Âu có thể tương thích tối đa với điều

kiện cũng như được áp dụng thành công tại Nga trên thực tế vẫn còn nhiều tranh cãi. Rất nhiều cuộc khảo sát, thử nghiệm liên quan tới thiết kế và sản xuất các vật liệu cải tiến đều hướng tới việc ứng dụng tiêu chuẩn châu Âu thay thế cho SNIIP để đánh giá chất lượng sản phẩm.

Theo ông Iuri Volkov, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu khoa học bê tông và bê tông cốt thép mang tên A. Gvozdev, các chuyên gia của Viện từ lâu đã nghiên cứu và đi tới kết luận: hệ thống SNIIP không hề thua kém, thậm chí còn thể hiện nhiều ưu điểm hơn so với hệ thống tiêu chuẩn châu Âu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng. Do đó, việc thay thế hoàn toàn chưa hẳn đã là tốt. Ông cho rằng: nếu chỉ nói về mặt thiết kế, các tiêu chuẩn châu Âu dễ hiểu và dễ tiếp nhận hơn. Nhưng xét về tính chất kết cấu của các loại vật liệu xây dựng cũng như việc áp dụng chúng thì không đơn giản như vậy. Các chuyên gia của Viện đã tiến hành nghiên cứu hệ tiêu chuẩn châu Âu riêng đối với bê tông cốt thép và kết luận các tiêu chuẩn SNIIP hoàn thiện hơn hẳn.

Song vấn đề không chỉ giới hạn trong phạm vi đó. Cách đây chưa lâu, LB Nga chưa có thỏa thuận chính thức với Ủy ban Tiêu chuẩn hóa của châu Âu. Khi đó, việc nâng cấp các tiêu chuẩn trong nước là khả thi, còn việc ứng dụng rộng rãi các tiêu chuẩn châu Âu lại chưa được phép. Việc chuyển dịch toàn bộ tiêu chuẩn châu Âu chỉ có thể tiến hành nếu phù hợp với các yêu cầu của Ủy ban Kỹ thuật châu Âu. Mới đây, thỏa thuận hợp tác giữa Ủy ban Tiêu chuẩn hóa châu Âu và Ủy ban Tiêu chuẩn Liên bang Nga đã được ký kết; công tác chuyển dịch các tiêu chuẩn xây dựng của châu Âu đã được thực hiện và chuyển giao cho Bộ Xây dựng LB Nga.

Cũng theo bà Larisa Barinova - nếu Nga mong muốn các tiêu chuẩn châu Âu sẽ thay thế các tiêu chuẩn trong nước thì cần xây dựng cơ chế chấp nhận các tiêu chuẩn này như những tiêu chuẩn quốc gia. Thực tế nước láng giềng Belarus đã có khá nhiều kinh nghiệm. Song

đồng thời khi đó LB Nga cần chấp thuận tất cả mọi vấn đề với châu Âu và không nên quên rằng mỗi tiêu chuẩn được áp dụng đều được quy đổi ra một khoản tiền đủ để có thể đầu tư nghiên cứu tiêu chuẩn mới.

Bên cạnh đó, có nhiều cơ sở để tin tưởng rằng các tiêu chuẩn trong nước hiện hành cũng đang được đầu tư nghiên cứu và nâng cấp rất nhiều nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường xây dựng quốc tế nói chung. Ngoài ra, việc chứng nhận các vật liệu xây dựng sản xuất trong nước theo các quy định

của tiêu chuẩn châu Âu sẽ tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng xuất khẩu các sản phẩm này sang các nước EU. Đã có những nhà sản xuất Belarus đi theo con đường này, và tại sao đây không phải là hướng đi mở cho các nhà sản xuất vật liệu xây dựng của LB Nga trong tương lai không xa?

A. Seglov

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 25
(ngày 19/6/2015)*

ND: Lê Minh

Bông khoáng - vật liệu sinh thái & tiết kiệm năng lượng

Một trong những mục tiêu chính của cuộc triển lãm chuyên ngành lần thứ 14 “Vật liệu xây dựng” (tổ chức tại Moskva từ ngày 30/1 - 3/2/2014) nhằm quảng bá cho việc sử dụng các vật liệu khoáng cách nhiệt hiện đại để giải quyết các nhiệm vụ trong lĩnh vực nâng cao việc sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, cách âm và bảo vệ môi trường xung quanh của các công trình xây dựng.

Bông khoáng là loại vật liệu cách nhiệt tự nhiên có phạm vi ứng dụng rộng rãi nhất - từ thiết kế các con tàu vũ trụ, xây dựng các tòa nhà, các nhà máy điện nguyên tử đến thiết kế tàu ngầm. Bông khoáng (theo tiêu chuẩn châu Âu mới) gồm 3 cấp độ: Sợi bazan (trên nền đất đá bazan); bông thủy tinh hay còn gọi là sợi thủy tinh (trên nền cát thạch anh); và bông xỉ. Tại châu Âu, bông khoáng chiếm xấp xỉ 2/3 thị trường vật liệu cách nhiệt. Tại Nga cũng vậy, tuy vẫn có một vài điểm khác biệt. Chẳng hạn: tại châu Mỹ, nhu cầu bông thủy tinh lớn hơn so với nhu cầu bông đá. Thậm chí tại những nước có khí hậu ẩm áp như Mexico, bông khoáng cũng vẫn được tích cực sử dụng. Ở đây, bông khoáng được sử dụng trong vật liệu làm mái nhà, để giữ cho các căn phòng trong nhà luôn mát mẻ.

Những tên tuổi hàng đầu thế giới trong sản xuất sản phẩm cách nhiệt như ISOROC,

KNAUF, ROCKWOOL... đã có mặt trên thị trường Nga từ trước khi Nga gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Các công ty này đã nhập các dây chuyền sản xuất vào Nga, ứng dụng các công nghệ mới và cải thiện chất lượng sản phẩm. Lượng bông khoáng mà Nga xuất khẩu hàng năm chiếm xấp xỉ 10% sản lượng sản xuất. Sản phẩm của Nga được các quốc gia châu Âu tin nhiệm. Tại Nga, loại vật liệu này còn được gọi bằng một cái tên khác - len đá, được sản xuất từ hai nguyên liệu chính là xỉ kim loại (xỉ sắt, xỉ đồng...) và đá bazan. Do vậy, bông khoáng là sự kết hợp tính bền vững cao của đá với các ưu điểm của kim loại, và một số phụ liệu hóa chất, tạo nên đặc tính chống cháy, cách nhiệt cách âm, thân thiện môi trường và ổn định của vật liệu.

Tính chống cháy: Bông khoáng có thể chịu được nhiệt độ cao xấp xỉ 1180°C (tương đương 2150°F); có khả năng làm giảm sự lây lan của lửa, tạo khoảng thời gian quý giá để cứu người và tài sản trong trường hợp cháy nổ; giảm những thiệt hại về môi trường do không phát thải khí độc.

Tính cách nhiệt: Bông khoáng có khả năng cách nhiệt tốt, giúp ngăn chặn sự xâm nhập của nhiệt độ môi trường bên ngoài vào bên trong nhà/ công trình; là yếu tố quan trọng trong xây dựng các công trình tiết kiệm năng lượng.

Với đặc tính này, bông khoáng còn giúp giảm thiểu chi phí điều hòa không khí (làm mát hoặc giữ ấm) cho nhà/ công trình.

Tính cách âm: Với cấu trúc sợi không định hướng, bông khoáng giúp hấp thu sóng âm thanh, làm giảm cường độ và khả năng truyền âm. Điều này giải thích tại sao vật liệu này rất được ưa chuộng trong xây dựng các bệnh viện, cơ sở y tế, các phòng hòa nhạc hoặc những công trình đòi hỏi tính cách âm cao.

Tính không thấm thấu: Được làm từ nguyên liệu đá và kim loại nên bông khoáng có đặc tính không thấm thấu rất tốt. Cấu trúc sợi không định hướng cũng giúp việc thoát nước và hơi ẩm dễ dàng qua các bức tường nội và ngoại thất, các đường ống công nghiệp. Bên cạnh đó, đặc tính này của bông khoáng giúp sản phẩm (có bông khoáng trong kết cấu) vẫn duy trì được hình dạng sau quá trình sử dụng nhiều năm. Sử dụng bông khoáng sẽ tránh được hiện tượng mục ruỗng, nấm mốc và sự phát triển của các vi khuẩn có hại, giúp bảo vệ một môi trường sống an toàn, lành mạnh hơn bên trong mỗi ngôi nhà. Tại Nga, vấn đề tiết kiệm năng lượng mới chỉ được khởi động và nhận được sự quan tâm thích đáng trong vài năm trở lại đây. Tiềm năng phát triển thị trường vật liệu cách nhiệt nói chung, và thị trường bông khoáng của Nga nói riêng chỉ thực sự được khai thông khi có sự chấp thuận bằng văn bản của các cơ quan cấp Bộ. Đồng thời, vấn đề này còn được đưa ra xem xét thảo luận trong các cuộc họp của Duma Quốc gia, và đạt được quyết định thông qua của những người đứng đầu Chính phủ. Các định hướng phát triển cơ bản cho thị trường; các yêu cầu nâng cao về tiết kiệm năng lượng trong nhà/ công trình; các giải pháp nhằm đạt chỉ số tiết kiệm năng lượng cao - vấn đề này được các nhà xây dựng Nga giải quyết với một đáp án đơn giản trong phương án đơn giản - đó là sưởi ấm (giữ nhiệt) cho tòa nhà/ công trình. Các nhà xây dựng Nga đã nghiên cứu để ứng dụng rất nhiều công nghệ như bơm nhiệt, các thiết bị



Bông khoáng dạng cuộn và dạng tấm xếp dùng làm vật liệu cách nhiệt trong các tòa nhà / công trình

quang điện... Song giải pháp đáng tin cậy nhất, tiết kiệm chi phí nhất là thiết kế các tòa nhà thật chất lượng, sau đó áp dụng các biện pháp giữ nhiệt cho tòa nhà đó. Và vật liệu cách nhiệt tự nhiên bông khoáng là một trong những lựa chọn hiệu quả cho giải pháp này.

Năm 2013, Chính phủ Nga đã thông qua chiến lược phát triển ngành vật liệu xây dựng, và phê duyệt chương trình nghiên cứu biên soạn các tiêu chuẩn. Động thái này của Chính phủ đã tạo tiền đề thuận lợi để phát triển lĩnh vực tiết kiệm năng lượng một cách có hệ thống, hiệu quả và toàn diện.

Trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng, kết cấu của các mặt dựng - ngoài việc trát vữa thông thường còn được sử dụng bông khoáng, do ưu điểm về trọng lượng riêng của loại vật liệu này (50 - 150 kg/m³). Các mặt dựng có sử dụng bông khoáng làm vật liệu cách nhiệt cũng rất cần thiết trong sửa chữa nhà ở và trong xây dựng nhà thấp tầng. Riêng đối với nhà thấp

tầng, các nhà thiết kế luôn khuyến cáo bổ sung thêm tường ba lớp. Trong trường hợp này, vật liệu cách nhiệt nằm bên trong kết cấu.

Bông đá và bông thủy tinh cũng là những vật liệu tuyệt vời đối với an toàn cháy nổ vì chúng duy trì nhiệt độ rất tốt và có khả năng kháng lại các tác động của lửa.

Những tiêu chuẩn công nghệ của panel sandwich (tường ba lớp) có ứng dụng bông khoáng đang được nghiên cứu. Đặc điểm duy nhất của bông khoáng là nó được cắt sao cho phần lớn sợi của nó thẳng góc với bề mặt của kim loại mà nó được gắn chặt vào. Nhờ đó, độ bền của cả kết cấu được bảo toàn. Các tấm panel sandwich như vậy có thể được ứng dụng trong xây các gian có chức năng đặc biệt, chẳng hạn như các phân xưởng của nhà máy luyện kim. Về nguyên tắc, các tấm panel này được bọc lớp bông khoáng.

Bông khoáng là sản phẩm an toàn về mặt sinh thái. Hơn 90% thành phần của bông khoáng là các nguyên liệu tự nhiên, được phân

tán dưới dạng các sợi cực mảnh mai. Bông khoáng được sử dụng trong các tấm ván trần đặc biệt tại các bệnh viện, bởi nó đáp ứng mọi yêu cầu khắt khe nhất. Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã xếp bông khoáng ở mức nguy cơ thấp nhất (cấp độ 3); điều này chứng tỏ đặc tính an toàn sinh thái cao của bông khoáng.

Mọi công dân trên trái đất đều cần được sống trong những điều kiện tiện nghi với độ ẩm tiêu chuẩn, nhiệt độ thích hợp, đồng thời hợp lý về mặt kinh tế - tất cả những điều kiện này bông khoáng đều có thể đáp ứng ở mức độ cao. Và trên hết, bông khoáng là vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng tuyệt vời, có thể góp phần giải quyết vấn đề nóng mang tính toàn cầu của ngành Xây dựng hiện đại - tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.

Inna Varich

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 4
(ngày 25/1/2015)*

ND: Lê Minh

Matit nhựa đá dăm (SMA) trên các tuyến đường tải trọng lớn

Theo ông E.A.Smirnov - Phó Cục trưởng Cục đường bộ LB Nga, trên thị trường Nga và thế giới hiện nay có rất nhiều vật liệu và công nghệ hiện đại đảm bảo các đặc tính cao về chất lượng cũng như công năng cho các lớp phủ mặt đường. Đối với các con đường có yêu cầu chịu tải cao, khi làm lớp trên cùng của áo đường, matit nhựa đá dăm (stone mastic asphalt - SMA) sẽ là giải pháp ưu việt bởi nhiều ưu điểm nổi bật về các đặc tính kỹ thuật và đặc tính khai thác sử dụng của loại vật liệu cải tiến này.

Quay trở lại giữa thế kỷ XX, công nghệ SMA được phát triển tại Đức từ những năm đầu thập niên 60 - xuất phát từ giải pháp trám matit mặt đường thủ công để lấp các vết lún vệt bánh xe trên mặt đường bê tông nhựa. SMA ngay sau đó đã nhanh chóng phát triển và được ứng

dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia châu Âu, Australia và Mỹ như một lựa chọn tối ưu cho các tuyến quốc lộ và đường cao tốc do công nghệ này đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật về độ lún trời nhựa, độ nhám mặt đường, giảm tiếng ồn... Bản chất của công nghệ SMA là sử dụng hỗn hợp nhựa atphan gồm các vật liệu khoáng có cấp phối gián đoạn, chất kết dính và phụ gia ổn định nhựa. Vật liệu khoáng được sử dụng cho SMA phải là đá dăm, cát hạt thô và bột khoáng có cường độ cao, dính bám tốt. Các vật liệu khoáng này có cấp phối gián đoạn theo nguyên tắc “đá chèn đá” nhằm tăng khả năng chịu lực, đồng thời tạo các lỗ hổng lớn. Chất kết dính có thể là các loại nhựa đường thông thường hoặc nhựa polimer cải tiến với hàm lượng khá cao (tối thiểu 6,5 - 7,5%). Phụ gia ổn

định nhựa khi được trộn với nhựa đường sẽ làm cho nhựa đường trở nên quánh hơn nhờ tính chất hút thấm nhựa, do vậy ngăn được hiện tượng chảy nhựa để tạo thành mát tít nhựa. Nhờ đó, các lỗ hỏng của cấp phối gián đoạn sẽ được lấp đầy bằng mát tít nhựa, tạo thành một khối đặc chắc có các tính chất chống mài mòn, chống trượt cao, cường độ nén uốn, kéo uốn cao, độ rỗng dư nhỏ, quá trình lão hóa chậm... Phụ gia ổn định nhựa có thể là các loại vật liệu dạng sợi (sợi cellulose, sợi hóa học...), dạng bột (bột cao su, bột chất dẻo). Mặc dù phụ gia ổn định nhựa chiếm một tỉ lệ rất nhỏ trong SMA, khoảng 3 đến 15 phần ngàn nhưng lại là thành phần không thể thiếu. Với cấp phối thành phần như vậy, so với các loại bê tông nhựa khác thì SMA là một loại hỗn hợp á tphan có cấu trúc bền vững hơn, có độ bền bề mặt, độ đàn hồi, khả năng chống mỏi cũng như khả năng chống lão hóa, sức kháng mài mòn và sức kháng trượt cao hơn, hạn chế được nứt bề mặt, có tuổi thọ tương đương hoặc cao hơn, độ ồn do chạy xe gây ra thấp hơn...; trong khi công nghệ chế tạo, thi công và việc vận chuyển lại tương tự như các vật liệu truyền thống. Do vậy, SMA được ứng dụng đạt hiệu quả cao nhất khi làm lớp phủ của kết cấu áo đường, với chức năng là lớp chịu lực trực tiếp - đặc biệt là chức năng chống lại hiện tượng lún vệt bánh xe, đồng thời là lớp tạo nhám. So với bê tông nhựa á tphan dùng để làm lớp phủ thì giá thành tính trên một đơn vị khối lượng của SMA cao hơn từ 20 - 30% nhưng sử dụng SMA sẽ giảm được chiều dày lớp phủ và giảm được chi phí chống ồn. Các chuyên gia đường bộ Mỹ cho biết: Do chu kỳ đại tu đối với lớp phủ bằng bê tông nhựa á tphan là 7,5 năm, với SMA là 10 năm, nên tính toán cho 30 năm sử dụng thì chi phí khi dùng bê tông nhựa á tphan là 79. 532 \$/km, còn SMA chỉ là 50. 095 \$/km.

Việc áp dụng SMA để làm lớp phủ kết cấu mặt đường không những mang lại hiệu quả kinh tế kỹ thuật mà còn là một giải pháp đã được đưa vào các quy định kỹ thuật của nhiều nước

trên thế giới. Lớp phủ này vừa chịu lực trực tiếp chống lại hiện tượng lún vệt bánh xe vừa đóng vai trò lớp tạo nhám, lại có chu kỳ đại tu dài hơn do độ bền mỗi cao hơn AC. Với sự hỗ trợ tích cực của các chuyên gia Cục đường bộ, ngay từ những năm 2000 tại nhiều vùng miền của Nga, việc sản xuất SMA đã được triển khai rộng rãi tại các nhà máy bê tông á tphan. Sản phẩm đã được sử dụng để trải hơn 100 triệu mét vuông lớp phủ đường, kết hợp với phụ gia ổn định VIATOR. Kết quả khai thác vận hành các trục đường Moskva – Riazan (M-5), các đường vành đai, tuyến đường vòng M-3 cùng nhiều tuyến giao thông quan trọng khác tại Moskva, Kazan và nhiều thành phố khác của Nga ứng dụng công nghệ SMA cho thấy: Các sự cố hư hỏng mặt đường giảm rõ rệt; các vết hằn bánh xe hầu như không xuất hiện; hệ số bám dính được cải thiện; thời hạn khai thác sử dụng gia tăng. Các đặc tính kỹ thuật của lớp phủ đường được xác định một mặt bởi cấu trúc khung cứng của SMA trong lớp phủ; mặt khác bởi đặc tính ít thấm nước. Cấu trúc như vậy đảm bảo cho việc truyền tải trọng từ bề mặt đường xuống các lớp bên dưới qua các thành phần của vật liệu đá kích thước lớn tiếp xúc trực tiếp với nhau. Hơn nữa, sự biến dạng của lớp phủ theo các hướng dọc và ngang đều giảm đi rõ. Các loại bê tông matit nhựa đá dăm, các thông số kỹ thuật, các chỉ số tính chất cơ - lý cũng như phương pháp kiểm tra và quy tắc nghiệm thu đều được quy định trong tiêu chuẩn GOST 31015-2002 “Vữa bê tông á tphan và bê tông matit nhựa đá dăm. Các điều kiện kỹ thuật”. Thành phần được cải tiến của nhựa bitum trong vữa bê tông matit nhựa đá dăm (đến 7,5%) xác định sự cần thiết phải giữ lại thành phần đá của vật liệu. Điều này được đảm bảo khi ứng dụng các chất phụ gia ổn định vào vữa. Hiệu suất ổn định tốt nhất đạt được với sợi cellulose tự nhiên. Thực tế của Nga và thế giới cho thấy chất phụ gia ổn định từ sợi cellulose tự nhiên dòng VIATOR được ứng dụng rộng rãi nhất.

VIATOR với thành phần là các hạt, trong đó mỗi sợi cellulose đều có màng phủ bitum. Việc ứng dụng màng này cho các sợi tự nhiên đảm bảo tính kháng ẩm tuyệt đối và độ phân tán tốt của các hạt; loại trừ việc các hạt vón cục khi bảo quản lâu; việc định lượng được đơn giản hóa; đạt sự đồng đều trong việc phân phối chất ổn định trong thiết bị trộn mà không cần tăng thời gian trộn khô. Sự có mặt của màng phủ bitum còn giúp ngăn ngừa các sợi bị cháy xém khi trộn trong vật liệu đá tro nóng. Các ưu điểm trên đây chính là kết quả của bước cải tiến lớn của công nghệ sản xuất bê tông matit nhựa đá dăm có sử dụng chất phụ gia ổn định VIATOR so với việc chế tạo vữa sử dụng chất ổn định khác. Việc ứng dụng các lớp phủ bằng bê tông matit nhựa đá dăm đã mở ra triển vọng giải quyết một trong những nhiệm vụ cấp bách nhất của ngành cầu đường Nga hiện nay - bảo đảm chất lượng và độ tin cậy trong vận hành khai thác các tuyến đường mà phần lớn hiện nay có hiện trạng và tính chất các lớp phủ không đáp ứng được các yêu cầu thực tế khai thác. Cần phục hồi nhanh chóng các đặc tính khai thác, đồng thời bảo đảm năng lực hoạt động trong các điều kiện tải trọng giao thông liên tục gia tăng. Trong bối cảnh nhu cầu về nguồn cung tài chính để xây mới và sửa chữa các tuyến đường của LB Nga hiện nay đã vượt con số 150 tỷ rúp mỗi năm, thì việc tìm kiếm những giải pháp sử dụng vốn đầu tư hiệu quả nhất là việc làm vô cùng cần thiết, trong đó không thể không nhắc đến công nghệ SMA.

Các chuyên gia của Cục đường bộ Liên bang cũng đang đề xuất công nghệ xây các lớp phủ mỏng bằng bê tông matit nhựa đá dăm có thể bảo đảm hoàn toàn các yêu cầu về mặt chức năng và khai thác cho mọi loại đường. Việc ứng dụng lớp phủ trên với các lớp mỏng cho hiệu quả cao và thể hiện tính hợp lý chỉ khi các yêu cầu về cường độ trong các lớp cấu trúc được bảo đảm. Ngoài ra, vữa được sử dụng là vữa bê tông matit nhựa đá dăm theo tiêu chuẩn

GOST 31015 - 2002 và chất ổn định VIATOR lớp dày 20 - 30 mm. Trong quá trình xây mới các tuyến đường, công nghệ đổ vữa chỉ khác so với công nghệ truyền thống do sử dụng máy lăn rung trọng lượng 6 - 8 tấn để nén vữa. Trong quá trình sửa chữa các lớp phủ đường có thay thế lớp trên cùng, ứng dụng các lớp mỏng bê tông matit nhựa đá dăm cũng bảo đảm hiệu quả công nghệ và hiệu quả khai thác cao. Tính kinh tế của các lớp vữa mỏng là tiết kiệm chi phí vữa, chi phí vận chuyển, cung cấp, đổ và rung nén; nâng cao năng suất thực hiện mọi công tác xây lớp phủ trên cùng của mặt đường.

Nếu nói về các chỉ số kinh tế khi ứng dụng các lớp mỏng bê tông matit nhựa đá dăm trên các tuyến đường chịu tải trọng thấp, các chuyên gia Cục đường bộ khẳng định: Cùng với các chỉ tiêu chức năng cao, các tiêu chí sau đây cũng được bảo đảm: Tăng thời gian vận hành khai thác không cần sửa chữa lớp phủ đường từ 8 - 12 năm (thông số quan trọng nhất trong bảo hành đường giao thông); giảm chi phí xây và sửa chữa lớp phủ đường trong suốt thời gian vận hành khai thác từ 2 - 4 lần; nâng cao tuổi thọ lớp phủ đường từ 2 - 3 lần; nâng cao hệ số bám dính; giảm sự hình thành các vị trí đọng nước. Ngoài ra, việc ứng dụng các lớp phủ đường mỏng sẽ đạt hiệu quả cao ngay cả khi sửa chữa một phần hoặc toàn bộ đường có lớp phủ đá hộc (đá thô).

Các chuyên gia Cục đường bộ Liên bang Nga luôn sẵn sàng hỗ trợ về mặt kỹ thuật công nghệ không chỉ để thực hiện những công nghệ được đề cập tới trong bài viết này, mà cả trong các vấn đề ứng dụng công nghệ khắc phục sự cố nứt lún, sửa chữa các lớp phủ đường, cung cấp vật liệu cũng như thiết bị hiện đại của các nhà sản xuất uy tín trong và ngoài nước.

O.Nikolov

*Nguồn: Tạp chí Quĩ đạo Xây dựng Nga
(tháng 10/2015)*

ND: Lê Minh

Kinh nghiệm xử lý nước thải tại các thị trấn trọng điểm của tỉnh Hắc Long Giang, Trung Quốc

I. Hiện trạng xử lý nước thải tại các thị trấn trọng điểm

Các thị trấn trọng điểm của Tỉnh Hắc Long Giang có bố cục không gian phân tán, quy mô dân số khu vực thị trấn khá nhỏ. Số liệu điều tra cho thấy, lượng nước thải nhỏ hơn 1000 m³/ngày chiếm 13,1%, mức nước thải từ 1000 - 3000 m³/ngày chiếm 60,6%, lớn hơn 3000 m³/ngày chiếm 26,3%. Các thị trấn trọng điểm thông thường phát triển sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản là chính, nước thải tại thị trấn và thành phố chủ yếu là nước thải sinh hoạt, chất lượng nước thông thường có chỉ số BOD < 200 mg/lít, COD < 350 mg/lít, pH = 6,5 - 7,5, SS < 300 mg/lít, có chứa một lượng nhất định Nitơ và Phốt pho, đặc tính sinh hóa tốt, hơn nữa dao động lượng nước thải khá lớn. Cơ chế thoát nước đa phần là cơ chế hội tụ dòng chảy, hệ thống đường ống thoát nước hiện có tại các thị trấn trọng điểm có tới 62% theo cơ chế hội tụ dòng chảy, phân dòng chiếm 24%, cơ chế hỗn hợp chiếm 14%. Tổng chiều dài đường ống thoát nước hiện có là 554,3 km, trong đó độ dài đường ống nước thải là 197,1 km, đường ống nước mưa 84,9 km, đường ống chung dòng chảy dài 272,3 km. Các thị trấn trọng điểm hiện đã có 8 nhà máy xử lý nước thải, trong đó đưa vào vận hành 6 nhà máy, đa phần nước thải tại các thị trấn này đều thoát xả mà chưa qua xử lý.

II. Phân tích các vấn đề tồn tại chủ yếu trong xử lý nước thải tại các thị trấn trọng điểm

1. Không gian khu vực phát triển không đồng đều

Công tác xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại các thị trấn trọng điểm trong toàn tỉnh Hắc Long Giang mới chỉ trong giai đoạn đầu. Theo điều tra, việc xây dựng các nhà máy xử lý nước thải chủ yếu tập trung tại các huyện, thị trấn

trọng điểm có điều kiện kinh tế khá tốt ở phía Tây Nam tỉnh Hắc Long Giang. Đa số các thị trấn trọng điểm không có nhà máy xử lý nước thải, tuy lượng nước thải xả ra khá nhỏ nhưng số lượng các thị trấn lại nhiều, rất dễ hình thành nguồn ô nhiễm lớn.

2. Thiếu các quy hoạch chuyên ngành có liên quan

Các thị trấn trọng điểm hầu hết không có quy hoạch riêng liên quan tới các công trình thoát nước. Theo số liệu điều tra, chỉ có 12 thị trấn trọng điểm có xử lý nước thải hoặc có quy hoạch xử lý riêng. Do các quy hoạch xử lý nước thải đóng vai trò là căn cứ quan trọng cho việc chỉ đạo xây dựng công trình thoát nước, căn cứ để các cơ quan chính quyền đưa ra quyết sách và xin hỗ trợ tài chính, vì vậy, các cơ quan có liên quan tại các thị trấn trọng điểm cần kết hợp tình hình thực tế của địa phương để nhanh chóng hoàn thành công tác quy hoạch mang tính chỉ đạo cao.

3. Thiếu nguồn vốn xây dựng, tình trạng nguồn vốn đơn nhất

Hiện tại, các công trình hạ tầng thoát nước trong tỉnh đều thuộc các hạng mục xây dựng của chính quyền thành phố, nguồn kinh phí chủ yếu dựa vào sự đầu tư từ vốn ngân sách. Tuy nhiên, do nền tảng phát triển của các thị trấn trọng điểm khá yếu, quy mô khá nhỏ, trong khi nhà nước lại cần khởi công nhiều công trình xây dựng do đó rất khó có thể tranh thủ được nguồn kinh phí riêng từ nhà nước cho xây dựng cơ sở hạ tầng thoát nước. Hơn nữa, cho dù tranh thủ được một phần vốn thì cũng là quá nhỏ đối với những công trình lớn như thế này.

4. Thiếu các cơ chế quản lý vận hành tương ứng

Hiện tại, các nhà máy xử lý nước thải tại thành phố và thị trấn thuộc tỉnh đều theo mô hình Cơ quan chính quyền đảm nhận xây dựng

và quản lý. Mô hình này trong quá trình vận hành lại tồn tại khá nhiều bất cập. Trước hết, chi phí vận hành khá cao khiến cho tài chính địa phương phải gánh vác trách nhiệm nặng nề. Theo điều tra, trong số 8 nhà máy xử lý nước thải đã xây dựng tại các thị trấn trọng điểm thuộc tỉnh Hắc Long Giang có 6 nhà máy đã đưa vào vận hành, chi phí bình quân mỗi năm cho vận hành từ 2 - 3 triệu NDT, đây là một khoản tài chính quá lớn đối với chính quyền địa phương.

5. Nhiệt độ nước biến đổi lớn, còn nhiều thách thức trong lựa chọn công nghệ xử lý

Nhiệt độ bình quân hàng năm trong tỉnh giao động từ -5°C đến + 5°C, mùa đông (vào tháng 12, tháng 1, tháng 2) là mùa lạnh nhất trong năm, nhiệt độ bình quân một tháng là từ -30,9°C đến -14,7°C. Các thị trấn trọng điểm tại tỉnh Hắc Long Giang khá phân tán, đặc biệt nhiệt độ mùa đông thấp, việc vận hành xử lý nước thải trong mùa đông có thời gian nhiệt độ thấp dài, nhiệt độ nước thấp, nồng độ chất ô nhiễm trong nước cao, hoạt tính của bùn thải khá yếu... đã làm tăng độ khó cho công tác xử lý nước thải, gây bất lợi cho việc tiến hành xử lý. Vì vậy, việc vận hành xử lý nước thải khi bước vào mùa đông cần được tăng cường khâu quản lý vận hành tự thân để ứng phó với những nhân tố bất lợi cho việc vận hành, đồng thời đảm bảo việc vận hành tại các nhà máy xử lý nước thải đạt hiệu quả cao.

III. Nghiên cứu các biện pháp xử lý nước thải tại các thị trấn trọng điểm

1. Hoàn thiện các quy hoạch riêng cho nước thải, tăng cường thống nhất quy hoạch, quản lý quy hoạch nghiêm ngặt

Cần lấy quy hoạch tổng thể làm tiền đề, kết hợp với tình hình phát triển thực tế của từng thị trấn để xem xét các yêu cầu quy hoạch riêng có liên quan. Cần nêu cao ý thức sáng tạo và có tầm nhìn xa hơn để hoàn thiện các quy hoạch riêng cho nước thải, tiến tới đạt mục tiêu ứng dụng lâu dài. Nghiêm chỉnh thi hành các yêu cầu quy hoạch, thực hiện quản lý quy hoạch

thống nhất đối với hệ thống đường ống ngầm tại các thị trấn.

2. Kiện toàn thể chế quản lý, tận dụng cơ chế thị trường để tăng cường quản lý

Trước hết, cần kiện toàn cơ cấu quản lý và hệ thống quản lý trong Chính quyền cấp thị trấn, tăng cường thực lực nguồn vốn trong tài chính cấp thị trấn nhằm thực hiện phối hợp hỗ trợ giữa quyền lực và sức mạnh tài chính, tạo điều kiện nền tảng cho xây dựng và vận hành cơ sở hạ tầng tốt hơn. Thứ hai, trong quá trình thực thi cần vạch ra mô hình kinh doanh hợp lý, tận dụng cơ chế thị trường để nâng cao trình độ xây dựng và quản lý. Thứ ba, trong quá trình xây dựng, vận hành kinh doanh, cần kết hợp đặc điểm không gian của khu vực, thiết kế kết cấu và mô hình kinh doanh khả thi, từng bước mở rộng phạm vi của chính quyền, thực hiện chính quyền phụ trách quản lý giám sát, doanh nghiệp phụ trách xây dựng và vận hành kinh doanh.

3. Chuyển đổi chủ thể đầu tư tài chính, thúc đẩy mô hình tài chính thị trường hóa

Về mặt tài chính, cần giúp hạ tầng xử lý nước thải thực hiện vận hành theo hướng thị trường hóa và thương mại hóa. Một trong những mấu chốt trong vận hành thị trường hóa và thương mại hóa là hạ tầng cần có quy mô nhất định. Tuy nhiên, quy mô phổ biến của các thị trấn tại tỉnh Hắc Long Giang khá nhỏ do đó cần lấy huyện là đơn nguyên tài chính nhằm bù đắp những thiếu hụt về quy mô. Trên cơ sở này, cần lựa chọn các biện pháp như bố cục phân tán, quản lý tập trung, đấu thầu hạ tầng ... để tăng cường khả năng vận hành thị trường hóa, thương mại hóa của hạ tầng.

Ưu điểm của tài chính thị trường hóa là xác định rõ chủ thể đầu tư, có khả năng thu hút nhanh chóng nguồn vốn xã hội. Mô hình tài chính thị trường hóa có rất nhiều loại, chủ yếu bao gồm BOT (xây dựng - kinh doanh - chuyển giao), TOT (chuyển nhượng - kinh doanh - chuyển nhượng), PPP (hợp tác công tư)... Những năm gần đây, cùng với sự thành thực

trong ứng dụng mô hình PPP tại Trung Quốc, mô hình này đã được ứng dụng hiệu quả trong xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và đã giải quyết vấn đề khó khăn về tài chính và quản lý giám sát. Kể từ khi chính sách “thúc đẩy mạnh mẽ mô hình hợp tác giữa Nhà nước và tư nhân (PPP)” của Trung Quốc được đưa ra, tác dụng của mô hình PPP trong phương diện xử lý nước thải tại các thành phố và thị trấn nhỏ của Trung Quốc ngày càng trở nên rõ rệt.

4. Lựa chọn hợp lý các kỹ thuật theo đặc điểm của từng khu vực

Hiện tại, trước tình hình các công trình xử lý nước thải không thiếu kỹ thuật mà thiếu các kỹ thuật phù hợp, cần căn cứ theo đặc điểm riêng của từng vùng để đưa ra các kỹ thuật xử lý nước thải thích hợp. Đối với tình hình xây dựng tại các thị trấn trọng điểm của tỉnh Hắc Long Giang,

các hình thức kỹ thuật thích hợp được ứng dụng tại địa bàn bao gồm bể phốt, bể phốt kết hợp với bãi lọc cây trồng nhân tạo và công nghệ xử lý bằng kỹ thuật sinh thái.

- Bể phốt thích hợp sử dụng cho khu vực có điều kiện kinh tế bình thường hoặc khá khiêm tốn về nguồn vốn.

- Bể phốt và bãi lọc cây trồng nhân tạo thích hợp với nơi có diện tích lớn đất hoang, đất xấu, đầm hồ.

- Công nghệ xử lý theo kỹ thuật sinh thái thích hợp cho khu vực có diện tích lớn đất xấu, đất hoang, có đầm hồ.

Trần Xuân Huy, Túc Ân Minh

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc, số 9/2015

ND: Kim Nhạn

Nhiều thương hiệu lớn dự Triển lãm ContechMining 2015

Ngày 2/12/2015, tại Trung tâm Hội chợ triển lãm Việt Nam, Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Đỗ Đức Duy đã đến dự và cắt băng khai mạc Triển lãm ContechMining 2015. Tham dự lễ khai mạc có lãnh đạo các Bộ: Công thương, Khoa học và Công nghệ; lãnh đạo các hội, hiệp hội hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, đại diện các doanh nghiệp có sản phẩm trưng bày tại Triển lãm và đông đảo khách tham quan.



Thứ trưởng Đỗ Đức Duy cùng các đại biểu cắt băng khai mạc Triển lãm ContechMining 2015

Tại Lễ khai mạc, đại diện Ban tổ chức cho biết, Triển lãm năm nay có sự tham gia của nhiều thương hiệu nổi tiếng về máy móc, thiết bị và phương tiện thi công trong lĩnh vực xây dựng và khai mỏ trên thế giới, như: Xe lu Bomag, vật tư khoan Robits, xe tải Hino, cầu Tadano, xe nâng Genie... Đặc biệt, Triển lãm năm nay còn có sự góp mặt của 2 thương hiệu xe tải nổi tiếng toàn cầu là KAMAZ và MAN. Ngoài sự tham dự của những thương hiệu nổi tiếng về thiết bị, máy móc khai mỏ thì trong lĩnh vực thiết bị điện công trình, thiết bị công nghiệp cũng có nhiều doanh nghiệp lớn tham gia, như các công ty Hawee, Nhật Linh - LIOA, Tân Kỳ, Rạng Đông... sẽ trưng bày những sản phẩm và công nghệ mới nhất phục vụ cho các công trình xây dựng và khai mỏ với nhiều tính năng và ưu điểm vượt trội. Trong khuôn khổ Triển lãm đã diễn ra nhiều hội thảo chuyên đề để cập đến các nội dung quan trọng trong

ngành xây dựng và công nghiệp mỏ hiện nay như Hội nghị toàn cảnh thị trường tài chính - bất động sản 2015 và dự báo 2016 do Câu lạc bộ Bất động sản Hà Nội tổ chức; Hội thảo nâng cao hiệu quả khai thác than - dầu khí đáp ứng nhu cầu năng lượng quốc gia do Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam chủ trì với trên 10 báo cáo của các chuyên gia sẽ đưa ra thực trạng và giải pháp đối với các vấn đề khai thác



Thứ trưởng Đỗ Đức Duy thăm các gian hàng tại Triển lãm ContechMining 2015

than và dầu khí tại Việt Nam; Hội thảo về công nghệ, thiết bị, nguyên liệu sản xuất vật liệu xây không nung nêu lên những thuận lợi, khó khăn cũng như những giải pháp và cải tiến công nghệ, thiết bị trong sản xuất vật liệu không nung. Triển lãm diễn ra trong các ngày 2 - 5/12/2015 là sự kiện có sự hưởng ứng tích cực của các công hàng đầu thế giới trong lĩnh vực máy khai mỏ đến từ Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc... Đây là những thương hiệu đang tìm kiếm cơ hội mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp Việt Nam nhằm phổ biến sản phẩm, máy móc công nghệ cao tới thị trường được đánh giá là có rất nhiều tiềm năng này.

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Đỗ Đức Duy cho biết, việc nâng cao chất lượng xây dựng bằng công nghệ tiên tiến là nhu cầu cấp bách, đồng thời đánh giá cao các doanh nghiệp trong nước đi đầu trong việc triển khai công nghệ mới để

Khai giảng lớp Bồi dưỡng quản lý xây dựng và phát triển đô thị bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Ngày 07/12/2015 tại Hà Nội, tại Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (Học viện AMC) đã diễn ra Lễ Khai giảng lớp Bồi dưỡng quản lý xây dựng và phát triển đô thị bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế cho 60 lãnh đạo các Sở, quận, huyện của thành phố Hà Nội. Tham dự buổi Lễ có bà Eilon Shahar Maeirav - Đại sứ Israel tại Việt Nam, ông Nguyễn Quang - Giám đốc UN HABITAT tại Việt Nam, ông Đỗ Viết Chiến - Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Bộ Xây dựng, ông Nguyễn Đình Hoa - Phó Giám đốc Sở Nội vụ Hà Nội, ông Trần Hữu Hà - Giám đốc Học viện AMC.

Khác với 62 đơn vị hành chính còn lại của cả nước, Hà Nội đang gánh trên vai hai chức năng khác nhau, vừa là Thành phố vừa là Thủ đô. Những năm gần đây, Hà Nội đang chuyển mình mạnh mẽ. Kinh tế liên tục tăng trưởng khá cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá; GDP bình quân đầu người tăng gần gấp 3 lần so với năm 1989. Đô thị phát triển mạnh theo hướng văn minh hiện đại. Bộ mặt nông thôn được cải thiện rõ rệt, khoảng cách nông thôn và đô thị ngày càng thu hẹp.

Bên cạnh các cơ hội lớn, Hà Nội cũng đối mặt với nhiều thách thức đặt ra: Tốc độ đô thị hóa làm tăng nhanh dân số cơ học; kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; nhiều nguồn lực và lợi thế của Thủ đô chưa được khai thác và sử dụng có hiệu quả; công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn nhiều bất cập...

Để đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới, xây dựng và phát triển đô thị theo hướng bền vững, nâng cao sức cạnh tranh đô thị trong thời kỳ hội nhập quốc tế, Sở Nội vụ Hà Nội phối hợp với Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và phát triển đô thị cùng UNHABITAT tổ chức khóa Bồi dưỡng quản lý xây dựng và phát triển



Giám đốc Học viện AMC Trần Hữu Hà phát biểu khai giảng lớp bồi dưỡng

đô thị bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế cho gần 60 học viên là lãnh đạo các Sở, quận, huyện của thành phố Hà Nội. Khóa học được tổ chức theo 2 giai đoạn: Giai đoạn 1: 9 ngày tại Hà Nội; Giai đoạn 2: 9 ngày tại Đại học Portland State tại Bang Oregon – Mỹ. Chương trình có sự kết hợp kiến thức, kinh nghiệm trong nước và quốc tế nhằm giúp cho các nhà lãnh đạo, quản lý có tầm nhìn tốt hơn để chỉ đạo, thực hiện công việc và đưa ra những quyết sách liên quan đến phát triển đô thị bền vững.

Phát biểu tại Lễ Khai giảng, Giám đốc Học viện AMC Trần Hữu Hà cho biết, Việt Nam đang trong quá trình đô thị hóa rất nhanh, và sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới khi nước ta vừa ký kết nhiều Hiệp định với các đối tác, trong đó có Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định thương mại tự do với EU. Đứng trước cơ hội như vậy, việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý xây dựng và phát triển đô thị cho lãnh đạo các địa phương, đặc biệt là Hà Nội - Thủ đô có tốc độ phát triển nhanh và mạnh, bổ sung những kiến thức kỹ năng về quản lý xây dựng và phát triển đô thị bền vững là rất cần thiết. Khóa học được tổ chức với sự hỗ trợ của UN HABITAT, sự hỗ trợ của các



Toàn cảnh buổi Lễ

chuyên gia đến từ Israel và các chuyên gia nước ngoài khác nhằm trang bị kiến thức, đặc biệt là tư duy để tìm ra những bất cập trong phát triển đô thị tại Hà Nội. Hy vọng trong thời gian bồi dưỡng không dài, với kiến thức và kinh nghiệm từ các chuyên gia trong nước và quốc tế, các học viên tham dự sẽ có những nhận thức, suy nghĩ để vận dụng vào công tác quản lý và phát triển đô thị bền vững.

Là chương trình được giảng dạy bởi các chuyên gia trong nước và quốc tế nhằm bổ sung kiến thức, kỹ năng nâng cao sức cạnh tranh đô thị, ông Nguyễn Đình Hoa - Phó Giám đốc Sở Nội vụ Hà Nội khẳng định: “Mục tiêu của khóa học là trang bị và định hướng, từ đó

đưa ra kế hoạch cụ thể để học viên sẽ rút ra những bài học cho địa phương mình. Khóa học với sự tham gia của gần 60 lãnh đạo Sở, lãnh đạo UBND quận, huyện thành phố Hà Nội cho thấy lãnh đạo TP. Hà Nội rất quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, đặc biệt về xây dựng và phát triển đô thị”.

Phát biểu tại buổi Lễ bà Eilon Shahr Maeirav - Đại sứ Israel tại Việt Nam bày tỏ: “Tôi đã làm việc ở Việt Nam 3 năm, được chứng kiến sự phát triển của Hà Nội và những thách thức của quá trình đô thị hóa, việc học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia khác là tìm giải pháp tốt nhất cho Hà Nội. Chúng ta cần đảm bảo mục tiêu làm thế nào để tăng cường năng lực chuyên môn cho lãnh đạo thành phố để có thể tạo ra các nguồn lực tài chính mang lại lợi ích cho Thủ đô. Hiện nay, tiềm năng hợp tác giữa hai quốc gia Israel và Việt Nam còn rất lớn, đặc biệt trong công tác quản lý và phát triển đô thị”.

Khóa học bắt đầu từ ngày 7/12/2015 tại Hà Nội và kết thúc vào đầu năm 2016 tại Đại học Portland State - Mỹ.

Thanh Hương

Chuyên gia JICA đánh giá cao công tác đảm bảo an toàn lao động trên công trường Thủy điện Lai Châu

“Trong quá trình khảo sát trực tiếp trên công trường Thủy điện Lai Châu, chúng tôi nhận thấy BQL Dự án và Tổng thầu đã tổ chức tốt công tác đảm bảo an toàn lao động, tuy nhiên vẫn còn một số công nhân bỏ qua quy định đảm bảo an toàn như không đội mũ bảo hiểm, thiếu một số lan can an toàn. Còn công tác quản lý chất lượng được thực hiện tương đối tốt. Chúng tôi mong muốn nhân rộng mô hình quản lý ở Dự án này ra các dự án khác” - ông Yamauchi Masafumi làm Trưởng đoàn công tác Bộ Xây dựng và các chuyên gia JICA cho biết sau khi khảo sát thực tế công trường Thủy điện Lai Châu.

Thực hiện chỉ đạo của Thứ trưởng Bộ Xây

dựng Bùi Phạm Khánh về việc triển khai Dự án “Tăng cường năng lực trong dự toán chi phí, quản lý hợp đồng, chất lượng và an toàn trong các dự án đầu tư xây dựng ở Việt Nam”, từ ngày 9 - 11/12/2015, đoàn công tác Bộ Xây dựng và các chuyên gia JICA (Nhật Bản) do ông Yamauchi Masafumi làm Trưởng đoàn đã có chuyến khảo sát công trường Thủy điện Lai Châu và làm việc với BQL Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La (đại diện chủ đầu tư Thủy điện Lai Châu), Ban Điều hành Tổng thầu (TCty Sông Đà) về các nội dung phục vụ Dự án.

Tại buổi làm việc, ông Bùi Phương Nam - Phó Giám đốc BQL Dự án Nhà máy Thủy điện

Sơn La cho biết: “Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu, chúng tôi thực hiện nhiều nguyên tắc nhằm đảm bảo 4 mục tiêu chính: Không ngừng đẩy mạnh cải tiến công nghệ; nâng cao chất lượng thi công công trình, đảm bảo và vượt kế hoạch rút ngắn thời gian thi công; chi phí xây dựng thấp, tăng hiệu ích của công trình; đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường”.

Thủy điện Lai Châu là công trình lớn tiếp sau Dự án xây dựng Thủy điện Sơn La của EVN cũng như của nhà thầu Tổng công ty Sông Đà, do đó, BQL Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La và Tổng thầu đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm quý báu, đó là giai đoạn chuẩn bị đầu tư phải bám sát quy hoạch ngành, vùng lãnh thổ để lập báo cáo đầu tư một cách sát thực nhất để bố trí quy mô của dự án sát với quy hoạch chung. Giai đoạn thực hiện đầu tư phải thực hiện đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thi công tốt, mua sắm thiết bị chất lượng, bám sát hiện trường, xử lý nhanh những vướng mắc tại hiện trường, đảm bảo đời sống của cán bộ, công nhân viên. Giai đoạn nghiệm thu, bàn giao cũng như xây dựng lực lượng chuẩn bị sản xuất, tiếp quản ngay sau khi đưa vào vận hành, đồng thời tổ chức, đánh giá hiệu ích sớm của dự án.

Điện Tổng thầu (TCty Sông Đà) cho biết, TCty Sông Đà có nhiều công ty thành viên tham gia thi công tại công trường Thủy điện Lai Châu và đều có kế hoạch cụ thể trong việc quản lý chất lượng công trình này. TCty Sông Đà có đơn vị kiểm soát chất lượng đầu vào của nhà thầu phụ, tiến hành nghiệm thu nội bộ, xong trình Ban Điều hành Tổng thầu nghiệm thu, tiếp đó đến bộ phận kỹ thuật của BQL Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La. Tất cả các công ty Sông Đà thành viên đều có cán bộ giám sát chất lượng công trình, khi phát hiện khiếm khuyết, sự cố thì lập tức dừng ngay hiện trường, lập biên bản, lên phương án khắc phục, sau đó BQL Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La tổ chức nghiệm thu lại. Nói về quy trình quản lý chất



Đoàn công tác Bộ Xây dựng và các chuyên gia của JICA làm việc với lãnh đạo BQL Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La

lượng, bộ phận chuyên môn chính của BQL Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La trên công trường xây dựng Thủy điện Lai Châu là Phòng Kỹ thuật - An toàn. Nhiệm vụ của Phòng này là quản lý, giám sát chất lượng, khối lượng và nghiệm thu hoàn thành các mục và hạng mục công trình. Trong khi đó, nhiệm vụ điều phối thi công do Ban Điều hành Tổng thầu thực hiện thông qua phòng Quản lý kỹ thuật - Thi công an toàn triển khai đến các nhà thầu thành viên bằng các cuộc họp giao ban hàng ngày. Các công ty, xí nghiệp thành viên thực hiện đều có quy trình quản lý chất lượng riêng đảm bảo đủ năng lực thực hiện công việc.

Về quy trình giám sát thi công, nghiệm thu, ông Bùi Phương Nam nhấn mạnh: Dự án Thủy điện Lai Châu là công trình cấp đặc biệt của quốc gia, do đó Chính phủ đã có các cơ chế đặc thù để hỗ trợ dự án được thực hiện thuận lợi. Ngoài ra, Ban chỉ đạo Nhà nước các trình xây dựng định kỳ hàng tháng tiến hành kiểm tra tiến độ và chất lượng trên công trường. Cán bộ kỹ thuật của BQL luôn thực hiện nghiêm quy định “3 ca 4 kíp” tại các vị trí thi công để giám sát chặt chẽ quá trình thi công của nhà thầu đảm bảo công trình đạt yêu cầu về chất lượng, đủ khối lượng phê duyệt và an toàn lao động.

Cũng tại buổi làm việc, đại diện Ban Điều hành Tổng thầu cho biết, tất cả các cán bộ, công nhân thực hiện nhiệm vụ trên công trường

Thủy điện Lai Châu đều được tập huấn qua lớp đảm bảo an toàn lao động. Trong đó, cán bộ chủ chốt thường trực ở công trường 24/24h. Ngoài ra, công nhân trước khi ra công trường đều phải được kiểm tra về an toàn lao động, mỗi tổ, đội đều bố trí an toàn viên.

Nhằm phục vụ Dự án, các chuyên gia JICA đã đưa ra nhiều tham vấn về công tác quản lý chất lượng công trình Thủy điện Lai Châu cũng như các nguyên tắc đảm bảo an toàn lao động trên công trường trọng điểm này. Bên cạnh đó, các chuyên gia JICA đã nêu lên vấn đề Việt Nam có nên xây dựng hệ thống đánh giá kết quả thực hiện gói thầu của nhà thầu, và đại diện BQL Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La và đại diện Ban Điều hành Tổng thầu đều nhận định đây là việc cần làm cần thiết và cần sớm triển khai vì điều này sẽ mang lại sự công bằng đối với các nhà thầu. Khi áp dụng hệ thống đánh giá này, nhà thầu có năng lực tốt sẽ được tín nhiệm, ngược lại đơn vị có năng lực yếu sẽ bị đào thải theo quy luật. Tuy nhiên, theo đại diện Ban Điều hành Tổng thầu, khi xây dựng hệ thống đánh giá cần phải làm rõ lợi ích của các nhà thầu, cán bộ đánh giá và quan điểm của công chúng...

Đánh giá cao sự hợp tác của đại diện chủ đầu tư và nhà thầu Tổng công ty Sông Đà, ông Yamauchi cho biết: “Chủ đầu tư đã cung cấp tương đối đầy đủ thông tin và trình bày chi tiết công tác quản lý. Dự án Nhà máy thủy điện Lai Châu - một công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước đã sử dụng mẫu Điều kiện hợp đồng của FIDIC. Đây là Điều kiện hợp đồng tiên tiến trên thế giới và đã được phổ biến ở nhiều quốc gia khác nhau, nhưng lại chưa được áp dụng nhiều ở các công trình sử dụng vốn ngân sách ở Việt Nam. Ông Yamauchi cho biết thêm: Chúng tôi hi vọng các cơ quan hoạch định chính sách của Việt Nam sẽ tạo điều kiện để các chủ đầu tư và nhà thầu có khả năng tiếp cận và sử dụng Điều kiện hợp đồng tiên tiến



Đoàn công tác Bộ Xây dựng và các chuyên gia JICA khảo sát thi công mặt đập công trình Thủy điện Lai Châu

này để mẫu hợp đồng này xuất hiện nhiều hơn trong các dự án, như vậy các doanh nghiệp nước ngoài cũng dễ dàng hơn trong việc tiếp cận các dự án ở Việt Nam và đảm bảo sức cạnh tranh của các nhà thầu nội.

Tại công trường Thủy điện Lai Châu, Đoàn công tác đã đi khảo sát thân đập, nhà máy, quan sát công nhân thuộc các nhà thầu triển khai thi công các hạng mục trên công trường. Tiếp đó, đoàn khảo sát khu vực nhà máy - nơi TCty LILAMA đang lắp đặt hệ thống ROTO các Tổ máy và chuẩn bị cho việc chạy không tải Tổ máy số 1 vào cuối tháng 12/2015.

“Chuyến khảo sát thực tế hiện trường Thủy điện Lai Châu đã mang lại nhiều kết quả rất hữu ích cho chúng tôi trong việc thực hiện Dự án “Tăng cường năng lực trong dự toán chi phí, quản lý hợp đồng, chất lượng và an toàn trong các dự án đầu tư xây dựng ở Việt Nam” - ông Yamauchi vui mừng đánh giá. Theo ông Yamauchi, những chuyến khảo sát thực tế hiện trường trong các dự án nghiên cứu tình huống như tại công trường Thủy điện Lai Châu sẽ giúp Đoàn chuyên gia Bộ Xây dựng và chuyên gia JICA có những dữ liệu thực tế quan trọng trước khi tiến hành nghiên cứu, đưa ra những sản phẩm cải thiện hệ thống quy định về quản lý xây dựng ở Việt Nam.

Trần Đình Hà

Kinh nghiệm mở rộng các kênh huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị tại tỉnh Giang Tây, Trung Quốc

Hệ thống các cơ quan xây dựng nhà ở và đô thị - nông thôn của tỉnh Giang Tây luôn bám sát đẩy mạnh các chiến lược đô thị hóa kiểu mới, triển khai các công tác xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, nâng cao hơn nữa chức năng của cơ sở hạ tầng tại đô thị.

I. Những thành quả trong xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị tại tỉnh Giang Tây

Đầu tư tài chính cho xây dựng đô thị được tăng cường, công tác xây dựng đô thị được thúc đẩy nhanh chóng. Theo thống kê trong báo cáo hàng năm về xây dựng đô thị, từ năm 2006 đến năm 2013, đầu tư cho xây dựng đô thị trong toàn tỉnh là 266,498 tỷ NDT, tốc độ tăng trưởng bình quân năm trong vòng 8 năm là 30 %, trình độ xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị được nâng cao nhanh chóng, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của kinh tế xã hội khu vực đô thị.

1. Cơ sở hạ tầng cấp nước đô thị được vận hành ổn định

Giai đoạn 2006 - 2013, toàn tỉnh Giang Tây đã đầu tư tổng cộng 4,763 tỷ NDT cho cấp nước đô thị, năng lực cấp nước được tăng cường hơn nữa. Năm 2013, năng lực sản xuất tổng hợp về cấp nước công cộng tại đô thị tăng từ 3,656 triệu m³/ngày vào năm 2006 lên 4,291 triệu m³/ngày, cao hơn 17,36 % so với năm 2006; độ dài đường ống cấp nước cũng tăng từ 6.352 km vào năm 2006 lên 13.289,19 km, tăng 109,21 % so với năm 2006; tổng lượng nước cấp tăng từ 828,79 triệu m³ vào năm 2006 tăng lên hơn 1 tỷ m³; lượng dân số được cấp nước đô thị là 9,2243 triệu người; lượng nước sinh hoạt bình quân theo ngày cho mỗi người dân đô thị là 173,8 lít, tỷ lệ phổ cập nước đạt 97,73 %.

2. Công tác xây dựng đường ống dẫn khí đốt tại đô thị được đẩy nhanh

Từ năm 2006 đến năm 2013, đầu tư toàn

tỉnh cho xây dựng đường ống dẫn khí đốt đô thị là 14,891 tỷ NDT. Cùng với sự đẩy mạnh trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khí đốt, việc sử dụng khí đốt của cư dân đô thị cũng từng bước thực hiện chuyển đổi từ khí than nhân tạo, khí dầu mỏ hóa lỏng sang khí thiên nhiên, giúp nâng cao chất lượng sử dụng khí đốt sinh hoạt của người dân đô thị. Thành phố Nam Xương tỉnh Giang Tây trở thành thành phố đầu tiên thực hiện chuyển đổi hoàn toàn từ sử dụng khí than nhân tạo sang khí thiên nhiên.

Năm 2013, số lượng thành phố trong toàn tỉnh sử dụng khí thiên nhiên tăng từ 6 thành phố vào năm 2006 lên 17 thành phố, năng lực tích trữ khí thiên nhiên tăng từ 1,627 triệu m³/ngày vào năm 2006 lên 4,0738 triệu m³/ngày; độ dài đường ống cấp khí đốt tăng từ 881 km vào năm 2006 lên 7.114,5 km vào năm 2013; tổng lượng cung cấp khí đốt tăng từ 22,58 triệu m³ vào năm 2006 tăng lên 561,2659 triệu m³; lượng dân số sử dụng khí đốt tăng từ 458,6 nghìn người vào năm 2006 lên 4,2984 triệu người. Năng lực dự trữ khí dầu mỏ hóa lỏng tại đô thị là 195,111 triệu m³, tổng lượng khí đốt cung cấp là 2,234 tỷ m³, lượng dân số sử dụng khí đốt là 4,5086 triệu người.

3. Tốc độ phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đô thị khá nhanh

Công tác xây dựng các công trình giao thông đô thị có được sự phát triển mạnh mẽ. Từ năm 2006 đến năm 2013 toàn tỉnh đã đầu tư tới 151,157 tỷ NDT cho đầu tư xây dựng cầu đường đô thị. Trình độ xây dựng đường sá tiếp tục được nâng cao. Cuối năm 2013, độ dài đường sá hiện có tại đô thị là 6.864,91 km, diện tích đường sá đô thị đạt 146,5169 triệu m², có 607 cây cầu tại đô thị (trong đó có 97 cây cầu lớn và cực lớn, 51 cầu vượt). Diện tích đường sá

đô thị theo bình quân đầu người là 15,26 m², tăng 5,26 m² so với năm 2006. Các hạng mục xây dựng giao thông đường sắt tiến triển thuận lợi, tính đến cuối năm 2013 tổng cộng hoàn thành đầu tư 14,733 tỷ NDT.

4. Các công trình xử lý nước thải, rác thải có được những tiến triển đột phá

Giai đoạn 2006 - 2013, toàn tỉnh đầu tư tổng cộng 3,943 tỷ NDT cho xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý nước thải sinh hoạt đô thị, đầu tư tài chính cho xử lý nước thải được đẩy mạnh, năng lực xử lý nước thải sinh hoạt đô thị được tăng cường hơn nữa. Khu vực đô thị có 33 nhà máy xử lý nước thải, tăng 25 nhà máy so với năm 2006; năng lực xử lý theo ngày của các nhà máy xử lý nước thải đạt 2,124 triệu m³, tăng 1,496 triệu m³ so với năm 2006; lượng xử lý hàng năm của các nhà máy xử lý nước thải đạt 640,48 triệu m³, tăng 2,07 lần so với năm 2006; tỷ lệ xử lý nước thải tập trung đạt 81,85 %, tăng 62,57 % so với năm 2006.

Tăng cường xây dựng các công trình thoát nước đô thị. Từ năm 2006 đến năm 2013, toàn tỉnh tổng cộng đầu tư 8,290 tỷ NDT cho các công trình thoát nước đô thị. Tới cuối năm 2013, độ dài đường ống thoát nước đô thị đạt 10.573 km (trong đó đường ống nước thải là 4.528 km), tăng 6.320 km so với năm 2006, đồng thời từng bước triển khai tách dòng nước mưa từ mạng lưới đường ống thoát nước đô thị, nâng cao chức năng thoát nước cho đô thị.

Trong giai đoạn 2006 - 2013, toàn tỉnh đầu tư 2,41 tỷ NDT cho xây dựng các công trình vệ sinh môi trường đô thị, công tác chỉnh trang diện mạo đô thị và vệ sinh môi trường được đẩy mạnh giúp cải thiện và làm đẹp đáng kể cho môi trường đô thị, năng lực xử lý vệ sinh môi trường được tăng cường hơn nữa.

Cuối năm 2013, có 17 nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt được hoàn thành tại khu vực đô thị, tăng thêm 7 nhà máy so với năm 2006. Năng lực xử lý rác thải sinh hoạt đô thị tăng từ 3.949 tấn/ngày vào năm 2006 lên 9.085 tấn/ngày, cả

năm thực hiện xử lý vô hại hóa 3,1625 triệu tấn rác thải sinh hoạt; tỷ lệ xử lý vô hại hóa đạt 93,28 %, tăng 42,59 % so với năm 2006.

5. Công tác xây dựng không gian xanh được tăng cường

Giang Tây là tỉnh đầu tiên của Trung Quốc đưa ra tiêu chuẩn đô thị sinh thái xanh, đồng thời đã triển khai công tác xây dựng đô thị sinh thái xanh trong phạm vi toàn tỉnh. Những năm gần đây, các thành phố đều tăng cường đầu tư cho công tác xây dựng sinh thái và bảo vệ môi trường. Các chỉ tiêu chủ đạo trong xanh hóa đô thị đều đạt ở vị trí hàng đầu trong toàn quốc, số lượng và chất lượng các đô thị xanh trong tỉnh cũng đều nằm ở những vị trí hàng đầu trong toàn quốc.

Từ năm 2006 đến năm 2013, toàn tỉnh đầu tư tổng cộng 36,298 tỷ NDT cho xây dựng xanh hóa đô thị. Năm 2013, diện tích che phủ xanh hóa tại các đô thị trong toàn tỉnh đạt 51.921 ha, diện tích đất xanh là 48.433 ha, diện tích đất xanh theo bình quân đầu người là 14,12 m². Tỷ lệ che phủ xanh đã thực hiện tại các đô thị là 45,09 %, tỷ lệ đất xanh đã xây dựng là 42,06 %, đều tăng 10,53 % so với năm 2006, số lượng công viên tăng từ 137 vào năm 2006 lên 297 vào năm 2013, diện tích đất xanh công viên tăng lên 13.553 ha.

II. Thiếu nguồn vốn là điều khó khăn trong xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị

Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị tại tỉnh Giang Tây tiến triển khá nhanh cùng với sự phát triển của đô thị hóa, tuy nhiên, về tổng thể sự phát triển này vẫn đang ở giai đoạn khởi đầu. Các vấn đề của đô thị vẫn tồn tại rõ nét, nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng còn tồn tại nhiều khoảng trống, không thể đáp ứng nhu cầu trong phát triển đô thị hóa kiểu mới.

Thứ nhất, sự phát triển của các khu vực xây dựng tại đô thị không đồng đều, sự khác biệt của các khu vực thành phố cũ - mới còn lớn, vấn đề ùn tắc giao thông tại đô thị ngày càng nổi cộm.

Thứ hai, hiện tượng coi trọng cơ sở hạ tầng trên mặt đất trong khi thiếu quan tâm cho cơ sở hạ tầng ngầm vẫn tồn tại với mức độ khác nhau, công tác xây dựng đường ống ngầm còn chậm trễ, hiện tượng ngập lụt, khó thoát nước tại một số khu vực đô thị cũ vẫn thường xuyên diễn ra. Ngoài ra, vấn đề quan trọng là sự thiếu hụt về nguồn vốn xây dựng, các kênh huy động vốn hiện có khó có thể đáp ứng được nhu cầu xây dựng các hạng mục cơ sở hạ tầng đô thị.

Cùng với sự mở rộng về diện tích của khu vực đô thị, dân số đô thị gia tăng, nhu cầu đối với xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị ngày càng cao. Hiện tại, các kênh huy động vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị của tỉnh chủ yếu dựa vào các nguồn như đầu tư của ngân sách Trung ương, đầu tư từ thu nhập đất đai của địa phương, đầu tư tài chính địa phương... do đó rất cần mở rộng các kênh huy động vốn mới để giải quyết những vấn đề cấp thiết trong tập trung nguồn vốn cho xây dựng đô thị.

III. Con đường mở rộng các kênh huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị tại tỉnh Giang Tây

1. Thu hút tư nhân tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng

Công cuộc xây dựng đô thị hóa kiểu mới sẽ đưa ra những yêu cầu cao hơn đối với việc xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị. Sự phát triển của đô thị hóa chắc chắn phải đi kèm với việc xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị cũng như việc đầu tư cho các công trình đồng bộ tại đô thị. Để tập trung nguồn vốn xây dựng, Sở Xây dựng nhà ở và đô thị - nông thôn tỉnh Giang Tây đã ban hành “Ý kiến thực thi khích lệ và hướng dẫn nhà đầu tư tư nhân tham gia lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng đô thị”. Dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cạnh tranh công bằng, chỉ đạo phân loại, tỉnh đã đưa ra một loạt biện pháp chính sách để thu hút tư nhân tham gia vào công tác xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị.

2. Tăng cường hỗ trợ và ưu đãi về thuế

Để đẩy nhanh hơn nữa công tác xây dựng

cơ sở hạ tầng công cộng tại khu vực đô thị, tỉnh Giang Tây đã tăng cường hỗ trợ và ưu đãi về thuế, các địa phương, các cơ quan trong tỉnh căn cứ theo quy luật kinh tế thị trường và sự phát triển trong xây dựng đô thị để xác định hợp lý tiêu chuẩn chi phí dành cho các cơ sở hạ tầng công cộng, đồng thời căn cứ theo tình hình nguồn lực tài chính để sắp xếp nguồn vốn nhất định cho xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị. Chi phí xử lý nước thải trải qua sự phê chuẩn của Trung ương hoặc cấp tỉnh để tiến hành trung thu và đưa vào quản lý dự toán tài chính hoặc quản lý theo tài khoản tài chính riêng sẽ được miễn thuế kinh doanh. Miễn thu thuế giá trị gia tăng đối với chi phí xử lý nước thải được thu theo chi phí nước của các nhà máy nước được ủy thác bởi chính quyền các cấp và cơ quan chủ quan thuộc chính quyền các cấp. Đối với các doanh nghiệp kinh doanh các hạng mục xử lý nước thải công cộng, từ năm đầu đến năm thứ ba được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, năm thứ tư tới năm thứ sáu giảm thu một nửa thuế thu nhập doanh nghiệp. Các doanh nghiệp xử lý nước thải sẽ được thực thi các chính sách ưu đãi trong sử dụng nguồn điện.

3. Tăng cường đầu tư tài chính cho xây dựng cơ sở hạ tầng

Tích cực tập trung nguồn vốn xây dựng, tăng cường đầu tư tài chính cho xây dựng hệ thống đường ống ngầm tại đô thị. *Một là*, nâng cao tỷ lệ nguồn vốn cho xây dựng và bảo trì đường ống ngầm. *Hai là*, tích cực tranh thủ các hạng mục xây dựng đường ống ngầm có sự hỗ trợ tài chính từ Trung ương. Luôn kiên trì mô hình xây dựng thống nhất, quy hoạch trước xây dựng sau, ngầm trước trên mặt đất sau, để nâng cao tính chỉnh thể, tính hệ thống trong xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị. Thực hiện xây dựng đảm bảo an toàn thoát nước, loại trừ ngập lụt trong nội đô, thực hiện phân tách nước mưa và xây dựng mạng lưới đường ống một cách quy phạm.

4. Tăng cường phối hợp hài hòa giữa các cơ quan chức năng

Tăng cường hơn nữa việc giám sát, chỉ đạo trong công tác xây dựng cơ sở hạ tầng tại đô thị cũng như sự phân công công tác hài hòa giữa các cơ quan để hình thành nên hợp lực vững mạnh, đảm bảo hiệu quả nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị.

5. Tranh thủ sự hỗ trợ tài chính trong xây dựng cơ sở hạ tầng của quốc gia

Chính phủ Trung Quốc đã tăng cường hơn nữa sự đầu tư của Trung ương cho xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị tại các địa phương, xây dựng mô hình tài chính đa dạng, bền vững để đảm

bảo vấn đề tài chính cho xây dựng cơ sở hạ tầng tại đô thị. Ví dụ, Trung Quốc sắp xếp một khoản hỗ trợ tài chính nhất định trong dự toán Trung ương dành cho cơ sở hạ tầng cấp thoát nước đô thị, đồng thời nâng cao tiêu chuẩn hỗ trợ của nguồn tài chính Trung ương cho xây dựng cơ sở xử lý rác thải và nước thải tại Giang Tây.

Âu Dương Hồng Cẩm

Nguồn: Tạp chí Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 4/2015

ND: Kim Nhạn

Phương pháp thực hiện thuế bất động sản của Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc

I. Những điểm giống nhau về thuế bất động sản của Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc

1. Các loại thuế bất động sản

Ba nước Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc đã thực hiện thu các loại thuế bất động sản từ rất lâu. Tại Mỹ, các loại thuế như: thuế sở hữu bất động sản, thuế xử lý, thuế thu nhập... đều gọi chung là thuế bất động sản. Từ tình hình hiện nay có thể thấy, phần lớn các Bang ở Mỹ đều căn cứ vào kết quả thẩm định giá trị bất động sản từ 20% - 100% để làm cơ sở thu thuế, thuế suất sẽ tính theo các mức trong khoảng từ 0,8% - 3%, trong đó, mức thuế suất 1,5% đang được thực hiện nhiều nhất. Thời gian tính thuế sẽ được thực hiện theo từng quý, nửa năm hoặc 1 năm thu 1 lần, các bang của Mỹ có thể căn cứ theo tình hình địa phương, mà tự do lựa chọn thời gian thu thuế phù hợp.

Từ năm 1950, Nhật Bản đã thực hiện thu thuế tài sản, để nói đúng danh nghĩa thu các loại thuế tài sản, ở Nhật có 3 loại: thuế tài sản cố định, thuế quy hoạch đô thị và thuế thu nhập doanh nghiệp, đây đều là những loại thuế tài sản quan trọng.

Đối với Hàn Quốc, trên thực tế thuế tài sản của Hàn Quốc chủ yếu là đánh trên tài sản. Kể từ năm 2005, Hàn Quốc đã thực hiện hệ thống

thuế toàn diện đối với đất đai và nhà ở, đất đai và nhà ở kết hợp lại với nhau và trở thành bất động sản. Theo định mức quy định (năm 2008 điều chỉnh là 900 triệu won) căn cứ theo tỷ lệ thuế suất (0,2%) để tính thuế bất động sản, nguồn tiền thu từ thuế thuộc sở hữu của địa phương; nếu trong trường hợp định mức vượt quá quy định, theo thuế suất lũy tiến (năm 2008 điều chỉnh là từ 0,5% - 1%), thực hiện đánh thuế bất động sản toàn diện, nguồn thuế thu được sẽ thuộc sở hữu của chính phủ.

2. Thuế bất động sản là loại thuế chính của các địa phương

Cũng giống như các nước khác, thuế bất động sản của 3 nước Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc cũng là nguồn thuế chủ yếu, là thu nhập chính của các chính quyền địa phương. Hiện nay, 50 tiểu bang của Mỹ đều thực hiện thu thuế bất động sản và nguồn thuế này chiếm đến 70% doanh thu thuế của địa phương. Trong hệ thống thuế bất động sản của Nhật Bản, ngoài các loại thuế thuế đăng ký giấy phép, thuế trước bạ, thuế thừa kế và thuế quà tặng thuộc sở hữu của chính phủ ra, thuế bất động sản, thuế nhà đất, thuế quy hoạch đô thị, thuế tài sản cố định... đều thuộc sở hữu của địa phương, về cơ bản, thuế bất động sản đều

thuộc chính quyền địa phương. Thuế tài sản ở Hàn Quốc cũng là loại thuế chủ yếu trong hệ thống thuế của địa phương, trong đó, phần lớn nguồn thu chủ yếu là từ đất đai và nhà ở...

3. Người nộp thuế là chủ sở hữu tài sản

Ba nước Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc đều quy định người nộp thuế tài sản là chủ sở hữu tài sản chịu thuế, đồng thời, dựa trên quy định pháp luật để thực hiện, chủ sở hữu phải là người có đăng ký nộp thuế hàng năm. Ở Mỹ, người nộp thuế bất động sản là người phải có tư cách pháp nhân và thể nhân. Nhật Bản thực hiện thuế tài sản cố định dựa trên nguyên tắc của Sổ cái. Những chủ sở hữu bất động sản cố định. Hàn Quốc thực hiện thuế bất động sản dựa trên mức thuế suất lũy tiến, người nào sở hữu càng nhiều bất động sản, càng phải đóng nhiều thuế, điều này thể hiện rất rõ nguyên tắc công bằng.

4. Thực hiện chính sách miễn giảm, ưu đãi về thuế bất động sản

Ba nước Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc đều có quy định chính sách miễn giảm và ưu đãi, đối với tài sản thuộc quốc gia và chính quyền địa phương, tài sản thuộc tổ chức phúc lợi xã hội, đều được hưởng chính sách miễn thuế. Các chính quyền địa phương ở Mỹ đưa ra những quy định về miễn giảm thuế như sau: Miễn giảm thuế đối với chủ sở hữu nhà; khi thuế bất động sản vượt quá giá trị lớn nhất nào đó, người nộp thuế sẽ được chính quyền bang giảm thuế hoặc được bồi thường tiền mặt. Thuế bất động sản của Nhật Bản cũng được thực hiện theo hệ thống điểm miễn giảm, điểm miễn giảm đối với đất đai là 300 nghìn yên, nhà ở là 200 nghìn yên, tài sản khấu hao là 1,5 triệu yên nhật, dựa trên quy định pháp luật, thực hiện phạm vi miễn giảm một cách minh bạch và chuẩn xác. Hàn Quốc thực hiện quy định thuế tài sản như sau: miễn thuế đối với tài sản thuộc tổ chức phúc lợi xã hội, tổ chức phi lợi nhuận sử dụng vào lĩnh vực tôn giáo, từ thiện, giáo dục, nghiên cứu

khoa học; miễn thuế bất động sản đối với nhà ở có giá trị dưới 300 nghìn won.

II. Học tập kinh nghiệm quy định thuế bất động sản của 3 nước Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc

Thiết lập hệ thống thuế bất động sản chuẩn hóa, ổn định và hợp lý, từng bước phát triển chức năng về thuế bất động sản. Thiết kế cơ cấu thuế bất động sản hợp lý, trong quá trình thiết kế hệ thống thuế, cần chú trọng tới việc phân biệt các loại tài sản đánh thuế và phạm vi để tính thuế, đơn giản hóa các quy định về thuế, có hiệu quả trong việc khắc phục sự cố chồng chéo thuế, đánh thuế 2 lần. Thông qua điều chỉnh và cải cách, thiết lập hệ thống thuế: để thuế bất động sản làm chủ chốt, thuế thu nhập, thuế kinh doanh... và các loại thuế khác là phụ. Hoàn thiện quản lý thuế bất động sản dựa trên quy định pháp luật.

Thiết lập, đồng thời hoàn thiện hệ thống đánh giá và đăng ký bất động sản. Thiết lập chi tiết dữ liệu thông tin bất động sản. Đẩy nhanh việc thực hiện mạng lưới thông tin nhà ở, cung cấp dữ liệu hỗ trợ cho việc thu thuế bất động sản. Nhanh chóng thực hiện hệ thống thông tin nhà ở tư nhân trên cả nước, đồng thời thực hiện công khai và minh bạch thông tin nhà ở tư nhân.

Thiết lập các thuế suất bất động sản khác nhau. Tăng cường các chính sách có tính linh hoạt, như vậy sẽ tránh các quy định mang tính cứng nhắc. Đối với những chủ sở hữu nhà ở thông thường, diện tích nhà ở không vượt quá nhu cầu nhà ở cơ bản, không phải trả thuế bất động sản, điều này chủ yếu là bảo vệ nhu cầu thông thường về nhà ở của người dân.

Lí Liên Khải

Nguồn: <http://www.crei.cn> (Trang web

Thông tin Bất động sản Trung Quốc

(ngày 4/11/2015)

ND: Bích Ngọc

Thị trường bất động sản của Mỹ khó phục hồi bền vững

Tháng 9/2015, doanh số bán nhà đã hoàn thiện của Mỹ đạt 5,55 triệu căn, đây là mức cao nhất kể từ khi xảy ra khủng hoảng tài chính thế giới. Do lượng tiêu thụ nhà ở được duy trì, nên lượng nhà ở xây mới của Mỹ cũng không ngừng tăng, từ quý II/2015, số lượng nhà ở được khởi công xây mới của Mỹ hàng năm ổn định ở mức 1.15 triệu căn, có thể nói, sau cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, lượng nhà ở được xây mới ở mức thấp nhất. Nhưng hiện nay, người dân đều tỏ thái độ lạc quan với sự phục hồi của thị trường bất động sản Mỹ. Nhưng theo quan sát các chỉ số hoạt động thị trường bất động sản, có thể nhận thấy, sự phục hồi của thị trường bất động sản Mỹ không có tính bền vững, thậm chí còn phải đối mặt với một số rủi ro.

I. Cơ sở phục hồi của thị trường bất động sản Mỹ không ổn định

Sau cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, giá nhà ở tại Mỹ giảm mạnh, giá trung gian bán nhà xây mới tại Mỹ trong năm 2007 là 247,9 USD/căn, giảm xuống còn 216,7 USD/căn trong năm 2009, giảm 12,3 %, bộ phận đô thị còn suy giảm lớn hơn. Nhưng cùng với việc Cục Dự trữ Liên bang (FED) giảm mạnh tỷ lệ lãi suất đồng thời thực hiện gói kích thích tài chính, từ năm 2010, giá nhà ở của Mỹ bắt đầu tăng ổn định, từ năm 2010 đến năm 2013 giá trung gian bán nhà xây mới tại Mỹ lần lượt tăng lên phân biệt là: 2.35 % - 2,43 % - 7.92 % và 9.67 % .

Năm 2013, giá nhà xây mới tại Mỹ là 268,9 nghìn USD/căn, tăng lên nhiều so với mức giá trước khi xảy ra khủng hoảng tài chính thế giới. Năm 2014, giá nhà xây mới tại Mỹ tiếp tục tăng lên 5,47 %, đạt 283,6 nghìn USD/căn. Tuy giá nhà ở Mỹ tiếp tục tăng, lượng hàng tồn kho cũng thấp hơn so với mức trước khủng hoảng, nhưng từ thị trường bất động sản của Mỹ có thể thấy, thị trường của Mỹ không có tính ổn định.

Một là, sau cuộc khủng hoảng tài chính, mức tăng trưởng thu nhập của người dân rất

chậm, khó mà hỗ trợ cho sự duy trì tăng giá nhà. Năm 2008, các hộ gia đình của Mỹ có mức thu nhập trung bình vào khoảng 50.303 USD, sau khủng hoảng, thu nhập của các hộ gia đình tại Mỹ từ năm 2009 - 2010 liên tiếp suy giảm. Bắt đầu từ năm 2011, thu nhập của các hộ gia đình ở Mỹ đã tăng trưởng trở lại, nhưng tăng trưởng chậm. Từ năm 2012 đến năm 2014, thu nhập của các hộ gia đình tại Mỹ phân biệt tăng là: 1.58 %, 1.92 %, 5.03 % và 0.13 %, tốc độ tăng trưởng thu nhập thấp hơn so với cùng kỳ. Do sự tăng trưởng chậm trong thu nhập của người dân Mỹ, điều này đồng nghĩa giá nhà ở nước Mỹ đang thiếu đi nền tảng vững chắc.

Hai là, giá nhà đất tiếp tục tăng lên nhanh chóng chủ yếu là do chính sách thúc đẩy lãi suất thấp, một khi FED bắt đầu tăng lãi suất, chắc chắn giá nhà sẽ giảm. Để đối phó với nguy cơ khủng hoảng tài chính thế giới, nước Mỹ đã lựa chọn một loạt các biện pháp “giải cứu”, ngoài việc việc ngân hàng Trung ương thực hiện mở rộng biểu ghi nguồn vốn doanh nghiệp, bảo lãnh tài chính..., đồng thời, giảm tỉ lệ lãi suất để kích thích nền kinh tế.

Về tỉ lệ lãi suất cố định trong thời gian 30 năm đối với khoản vay thế chấp nhà của Mỹ, từ trước tháng 9/2008 là 6 %, đến cuối năm 2011 là 4 %, kể từ năm nay, tỉ lệ lãi suất cố định trong thời gian 30 năm đối với khoản vay thế chấp nhà của Mỹ luôn duy trì ở mức 4 %. Trước tình hình thu nhập của các hộ gia đình tăng trưởng chậm như vậy, cùng với lãi suất giảm đáng kể, khả năng chi trả của người mua nhà trong thời gian ngắn cũng tăng lên đáng kể. Chỉ số khả năng mua nhà và tỉ lệ lãi suất có liên quan với nhau, một khi FED bắt đầu tăng lãi suất, chắc chắn sẽ kéo chỉ số khả năng mua nhà giảm, thúc đẩy giá nhà tăng cao của Mỹ giảm dần.

Ba là, tuy số lượng tiêu thụ nhà ở và lượng khởi công xây dựng nhà ở mới tiếp tục tăng, nhưng vẫn không đạt được mức bình thường so

với trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng. Từ năm 2012 trở lại đây, cùng với việc giá nhà ở Mỹ tăng cao và số lượng nhà ở trong tình trạng cung không đủ cầu, lượng nhà ở mới được khởi công xây dựng tại Mỹ bắt đầu tăng lên. Kể từ năm 2015, mặc dù lượng nhà xây mới ở Mỹ vẫn duy trì ở mức cao, nhưng trước mắt, lượng nhà xây mới vẫn ở mức thấp hơn 20% so với trước khi xảy ra khủng hoảng.

II. Khó mà phục hồi bền vững

Cùng với việc giá nhà ở của Mỹ không ngừng tăng, nhưng phía sau những bề nổi đó, mức độ rủi ro của thị trường nhà ở của Mỹ cũng tăng lên đáng kể.

Một là, trên danh nghĩa giá nhà tăng đáng kể vượt cả mức thu nhập, vượt trên cả mức thu nhập trước khi xảy ra khủng hoảng tài chính, điều này dẫn đến rủi ro thị trường bất động sản của Mỹ tăng lên. Kể từ năm 2010, giá nhà của Mỹ bắt đầu tăng chậm, nhưng từ năm 2012 - 2014, giá nhà tại Mỹ lại tiếp tục tăng. Theo thống kê, năm 2014, giá nhà xây mới của Mỹ vào khoảng 283.6 nghìn USD/căn, thu nhập bình quân của các hộ gia đình của Mỹ trong năm 2015 vào khoảng 53.567 USD, như vậy đây là mức cao nhất kể từ năm 1967 trở lại đây.

Một nét đặc trưng điển hình trong rủi ro bong bóng nhà đất là giá nhà tăng nhanh chóng, giá nhà tăng còn cao hơn cả thu nhập của người dân trong cùng thời điểm, một điều chắc chắn là rủi ro bong bóng nhà đất sớm muộn sẽ bùng nổ. Từ lịch sử trải qua có thể thấy, bong bóng bất động sản của Nhật Bản, của Mỹ trước khủng hoảng tài chính và Hồng Kông vào cuối thập

niên 90, giai đoạn xuất hiện bong bóng bất động sản đều vào lúc giá nhà tăng cao, trong khi thu nhập của người dân giảm xuống, mức độ thu nhập không hỗ trợ cho việc tăng giá nhà quá nhanh, mà hình thành bong bóng bất động sản. Kể từ năm 2013, cùng với việc giá nhà của Mỹ tăng nhanh chóng, thị trường bất động sản của Mỹ đã nổi lên các dấu hiệu của hiện tượng bong bóng. Khi Mỹ điều chỉnh chính sách lãi suất thấp, thị trường bất động sản không ngừng đối mặt với những rủi ro gia tăng.

Hai là, giá nhà đất tăng quá nhanh đã làm ảnh hưởng đến chính sách duy trì lãi suất thấp, khiến chỉ số khả năng mua nhà ở Mỹ cũng giảm nhanh chóng. Tuy nhiên, sau cuộc khủng hoảng tài chính, cùng với mức lãi suất tiền tệ đang giảm mạnh, chỉ số khả năng mua nhà ở Mỹ lại tiếp tục tăng. Kể từ lúc đó, giá nhà cứ thế tăng lên, trong khi thu nhập của người dân thì chững lại, lãi suất lại tiếp tục hạ, và chỉ số khả năng mua nhà cũng bắt đầu giảm theo. Điều này cho thấy rằng, nguyên nhân là do giá nhà tăng quá nhanh, lãi suất thấp nhưng cũng khó mà nâng cao khả năng mua nhà của người dân, những hộ gia đình có khả năng để mua được nhà ở cũng đang ngày càng giảm.

Đặng Tùng - Phó Giám đốc Trung tâm nghiên cứu phát triển Quốc Vụ Viện

Nguồn: <http://www.crei.cn> (Trang web

Thông tin Bất động sản Trung Quốc

(ngày 4/11/2015)

ND: Bích Ngọc

Cuộc sống mới của những nhà máy cũ

Thực tế xây dựng đô thị của Nga cho thấy: tại các thành phố lớn hiện nay, quỹ đất thuộc địa giới các khu công nghiệp cũ (CNC) là nguồn đất dự trữ duy nhất còn lại để có thể tận dụng phát triển các thành phố trong "chiếc áo cũ". Sử dụng quỹ đất này như thế nào cho hợp lý là vấn

đề trọng tâm tại các diễn đàn về quy hoạch xây dựng đô thị và kiến trúc đô thị diễn ra liên tục tại Moskva (Nga) từ mùa hè năm 2015 đến nay, trong đó có Diễn đàn đô thị Moskva. Tại đây, vấn đề này được thảo luận rất nhiều trong các phiên họp cấp Liên bang cũng như cấp thành

phố. Bức tranh phát triển mới cho các khu CNC cũng được đề cập tới tại Triển lãm chuyên ngành quốc tế về vấn đề gìn giữ, cải tạo, sử dụng và phổ biến các di sản văn hóa “Denkmal, Moscow 2015” và festival quốc tế “Kiến trúc 2015”. Trong một phiên thảo luận của Diễn đàn đô thị Moskva gần đây, Bộ trưởng Bộ Xây dựng nhà ở & công trình công cộng Nga - ông Mikhail Men đã phát biểu về cơ chế khai thác các khu CNC, đưa các khu vực này vào các chính sách phát triển của Chính quyền các đô thị. Theo ông, khi Chính quyền Moskva bắt tay vào nghiên cứu dự thảo luật về sử dụng đất đai tại các khu CNC, thì đây dường như là vấn đề nội tại của Thủ đô. Tuy nhiên, quy hoạch phát triển đối với quỹ đất thuộc các khu CNC là một vấn đề liên quan tới rất nhiều đô thị lớn khác của Nga chứ không phải riêng Moskva. Thống kê của Bộ Xây dựng cho thấy: Các khu CNC chiếm tới 16 % diện tích Moskva, 13 % Saint Peterburg, và tới 40 % Ekaterinburg. Tại nhiều thành phố lớn khác, các khu CNC cũng chiếm không ít diện tích đất đai. Thực tế này đòi hỏi biện pháp giải quyết thống nhất. Cần thiết có một bộ luật với những quy định rõ ràng, minh bạch về “nguyên tắc tham gia cuộc chơi” không chỉ dành cho Chính quyền các đô thị mà cả giới kinh doanh. Bộ trưởng nhấn mạnh: Ngày 30/6/2015, Duma Quốc gia Nga đã nhất trí với dự thảo lần 1 luật Liên bang về phát triển các khu công nghiệp; và cho tới thời điểm hiện nay, những lần thảo luận tiếp theo, cũng như việc nghiên cứu hoàn thiện dự thảo đã và đang được tích cực xúc tiến. Dự thảo luật quy định các điều kiện về việc Chính quyền thành phố có thể thông qua giải pháp phát triển tổng thể lãnh thổ các khu CNC. Sự đổi mới trong dự thảo thể hiện ở các cơ chế thu hút vào quy trình phát triển tổng thể khu CNC tất cả quỹ đất thuộc sở hữu riêng, hoặc các công trình bất động sản nằm trong lãnh thổ đó. Dự thảo cũng quy định “khả năng hỗ trợ từ cơ quan chính quyền cấp nhà nước và cấp đô thị đối với sự phát triển tổng



Gian triển lãm “Novyi manhez” cải tạo từ trung tâm điều khiển nhà máy điện Moskva trước đây

thể các khu công nghiệp thuộc sở hữu nhà nước và sở hữu của chính quyền đô thị”.

Hiện nay, Moskva là thành phố dẫn đầu cả nước trong lĩnh vực tái phát triển các khu CNC. Trên phạm vi địa giới Thủ đô, hiện đã có 26 dự án quy hoạch lãnh thổ khu CNC được hoàn thiện, và đang trong quá trình kêu gọi các nhà đầu tư. Kinh nghiệm của Moskva đã được lấy làm cơ sở nghiên cứu dự thảo luật - ông M. Men cho biết - đặc biệt quan trọng là trong quy hoạch tái cơ cấu các khu CNC, chính quyền Thủ đô đã tính tới cả số lượng việc làm mới. Đây là điểm then chốt để nghiên cứu đưa vào dự thảo luật Liên bang.

Cụ thể hóa các kinh nghiệm của Moskva, Phó Thị trưởng thành phố - ông Marat Khusnulin cũng có bài phát biểu về chính sách quy hoạch xây dựng đô thị Moskva tại Diễn đàn. Theo ông, trong vòng 04 năm qua, việc phát triển lãnh thổ các khu CNC của Thủ đô đã đạt những kết quả tích cực, với các điểm tăng trưởng mạnh nhất nằm trong Moskva “cũ”. Các khu CNC ở đây chiếm tổng diện tích 18,8 nghìn ha; trong đó 4,7 nghìn ha có thể được tái cấu trúc lại. Hiện tại, hoạt động thi công xây dựng đang được tiến hành trên hàng chục khu đất. Những khu vực xây dựng có tầm quan trọng đối với thành phố là nhà máy mang tên Likhachev (ZIL); khu công nghiệp Lenino, Perovo... Các khu vực đứng đầu trong danh sách ưu tiên cải tạo là các khu công nghiệp “Búa liềm”, “Solokin”, “Nagatinskyi zaton”... Bên cạnh đó,



*Bảo tàng Do thái cải tạo từ gara ô tô cũ
Bakhmetchev*

một số khu CNC sẽ được tái cấu trúc toàn toàn theo chức năng sản xuất mới nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất (trước hết nhờ vào việc tạo số lượng việc làm mới); qua đó bảo đảm tăng thu ngân sách đáng kể cho thành phố. Việc phát triển tổng thể lãnh thổ các khu CNC là sự kết hợp giữa xây dựng các khối nhà ở với đổi mới quy trình sản xuất và phát triển việc kinh doanh sẽ mang lại hiệu quả xã hội lớn - bảo đảm việc làm tại chỗ cho cư dân. Họ có thể làm việc ở ngay gần nhà, tức là lượng ô tô lưu thông trên các tuyến đường nội đô giảm, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường và nhiều hệ lụy khác cũng sẽ giảm.

Hiện nay, Chính quyền Thủ đô đặc biệt quan tâm tới các khu CNC có tính lịch sử, phần lớn trong số này nằm ngay tại khu vực trung tâm Moskva. Kiến trúc công nghiệp từ những thế kỷ trước chính là những di sản có một không hai, những phần không thể tách rời trong không gian đô thị, làm nên bức tranh tổng thể đô thị Moskva hiện đại. Cần tôn trọng và có những giải pháp ứng xử phù hợp nhất là trong bối cảnh hiện nay, tại nhiều quốc gia trên thế giới, những công trình như vậy được rất nhiều người biết đến như những không gian văn hóa đặc trưng cũng như những dự án nhà ở hiện đại.

Các khu CNC của Moskva đang dần được khai phá, bước ra khỏi sự lãng quên. Tuy vẫn còn tồn tại một số vấn đề cần giải quyết, song ý niệm về những khu vực thiếu sự phát triển trong thành phố trong tương lai rất gần sẽ được

thay đổi một cách toàn diện. Việc cải tạo các công trình kiến trúc công nghiệp chính là một dấu mốc đổi mới trong chiến lược phát triển Thủ đô Moskva, và là chủ đề chính của triển lãm “Denkmal, Moskva 2015”. Triển lãm được mở - theo ông Aleksey Emelianov, Cục trưởng Cục di sản văn hóa Liên bang Nga - sẽ góp phần thay đổi quan niệm trước đây về sự phát triển các khu công nghiệp nằm gần hoặc ngay tại trung tâm thủ đô, theo đó đề xuất cần phá dỡ và thay đổi chiều cao công trình. Kiến trúc của các công trình công nghiệp tại Thủ đô đã được công nhận là loại hình riêng của di sản văn hóa, cần gìn giữ và tôn trọng. Kinh nghiệm này của Moskva rất cần được phổ biến rộng rãi. Tại triển lãm, nhiều kết quả các dự án đang hoạt động được giới thiệu với công chúng: Gian triển lãm “Novyi Manhezh” trong tòa nhà trước đây là trung tâm điều khiển nhà máy điện trên phố Gheorghii; triển lãm mỹ thuật “Tháng Mười đỏ” trong tòa nhà trước đây là nhà máy sản xuất bánh kẹo chocolate thuộc Hiệp hội công nghiệp A&M; phòng mỹ thuật trong tòa nhà trước đây là nhà máy khí đốt; bảo tàng Do thái được cải tạo từ gara ô tô Bakhmetchev cũ; trung tâm thương mại trong khu vực tổ hợp công nghiệp Danilov cũ; khu nhà ở cao cấp Wine House trên lãnh thổ khu vực kho bãi của Hiệp hội đồ uống, đồ uống có cồn, rượu vang của Nga và rượu nhập khẩu A.Smironov rất nổi tiếng trước đây; dự án cải tạo nhà máy sản xuất bánh mì mang tên Zotova... Thành công của triển lãm - theo ông A.Emelianov - là chuyển tải được thông điệp tới các nhà làm luật, các nhà xây dựng, các kiến trúc sư và các công dân Thủ đô - “Xây dựng không có nghĩa là phá vỡ”.

Oksana Samborskaya

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 43

(ngày 23/10/2015)

ND: Lê Minh

HỘI THẢO “CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NỀN ĐẤT YẾU THEO PHƯƠNG PHÁP ỔN ĐỊNH TOÀN KHỐI”

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2015



Hội thảo thu hút sự quan tâm của nhiều chuyên gia trong và ngoài nước



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng tham quan thử nghiệm công nghệ gia cố nền đất yếu toàn khối nông tại công trường dự án The Manor Central Park tại Hà Nội